



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3750 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

DỰ ÁN: THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (KÝ HIỆU MẪU LT-02)

ĐỊA ĐIỂM XD: TỈNH SƠN LA

Sơn La, tháng 7 năm 2025



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3750 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

DỰ ÁN: THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (KÝ HIỆU MẪU LT-02)

ĐỊA ĐIỂM XD: TỈNH SƠN LA

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Sơn La, tháng 7 năm 2025

PHỐI CẢNH MINH HỌA



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTBPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHÉP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	PHỐI CẢNH MINH HỌA		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	PC: 01
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN		NĂM 2025	
THIẾT KẾ					



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/> Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn
HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 006; 0212 3751 137; QH, KTHPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866

GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA
THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ
(NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02

PHỐI CẢNH MINH HỌA		
TỶ LỆ: 1/100	T.K.M NĂM 2025	PC: 01



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTBPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	PHỐI CẢNH MINH HỌA		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	PC: 01
THIẾT KẾ				NĂM 2025	



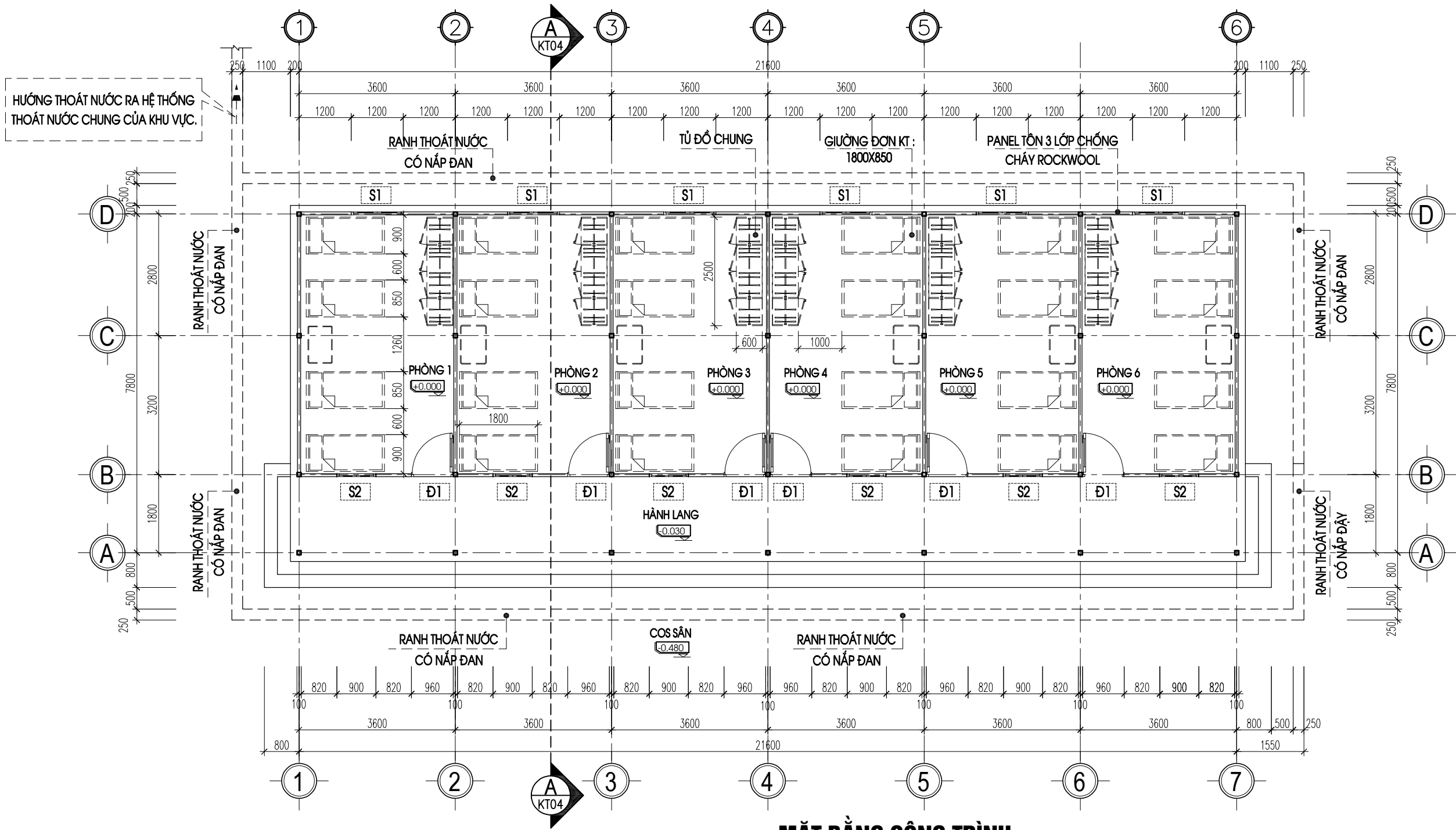
SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTBPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	PHỐI CẢNH MINH HỌA		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	PC: 01
THIẾT KẾ				NĂM 2025	

PHẦN KIẾN TRÚC

THUYẾT MINH CHUNG:

- *Kiến trúc:* Nhà khung thép lắp ghép 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 192m², chiều dài 21,6m, chiều rộng 7,8m, bước gian 3,6m, nhịp hành lang trước rộng 1,8m, chiều cao nhà tính từ cốt nền (±0.000) đến đỉnh mái 5,22m; độ dốc mái nghiêng i=40%; cốt nền (±0.000) cao hơn cốt hè sau hoàn thiện là +0,48m, thưng tôn xung quanh nhà và vách ngăn dùng tấm panel tôn 3 lớp chống cháy; trần trong nhà lắp dựng trần thạch cao khung xương nổi; nền lát gạch ceramic kích thước (60x60)cm; bậc tam cấp lát gạch đất nung màu đỏ; cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn thép định hình, lắp kính trắng bảo vệ dày 5mm; hoa sắt thép hộp (12x12x1,2)mm.
- *Kết cấu:* Móng trụ bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), móng bó nền xây gạch, vữa xi măng mác 50; nền đổ bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200)/ lớp đất nền đầm chặt K=0,9; cột, kèo bằng thép hình, liên kết trong khung sử dụng chủ yếu là liên kết bu lông cường độ cao và liên kết bu lông thông qua bản bản mã; cấu tạo mái: mái lợp tôn chống nóng 03 lớp chống nóng, chống cháy (tôn dày 0,4mm)/xà gồ thép hình/kèo thép hình; gia cường hệ giằng đầu cột, giằng tường liên kết với thưng tôn bằng thép hình; giằng mái sử dụng thép tròn Φ10, tạo độ ổn định tổng thể mặt phẳng khung và đảm bảo an toàn chịu lực trong quá trình khai thác sử dụng. Toàn bộ vật liệu kết cấu thép được sơn phủ 03 lớp sơn đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
- *Cấp điện:* Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện hiện trạng của xã. Sử dụng các thiết bị điện: Bóng đèn tuýp led đơn công suất 1x40W gắn tường; quạt trần loại công suất 100W...; toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống ghen bảo vệ chống cháy đảm bảo theo tiêu chuẩn.
- *Chống sét:* Kim thu sét đầu mạ kẽm Φ16 dài 50cm; dây dẫn Φ10 mạ kẽm, dây tiếp địa thép mạ kẽm Φ16 liên kết với cọc tiếp địa bằng thép hình; điện trở của bộ phận tiếp địa ≤10Ω.
- *Phòng cháy chữa cháy:* Lắp đặt hộp đựng bình cứu hỏa, bình bọt khí MFZ4, MT3, bảng nội quy, tiêu lệnh PCCC phục vụ công tác chữa cháy cục bộ trong nhà.

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAG-XD 005: 0212 3751 137; GH, KĐTPTDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	THUYẾT MINH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN			TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	TM:01
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN		NĂM 2025	



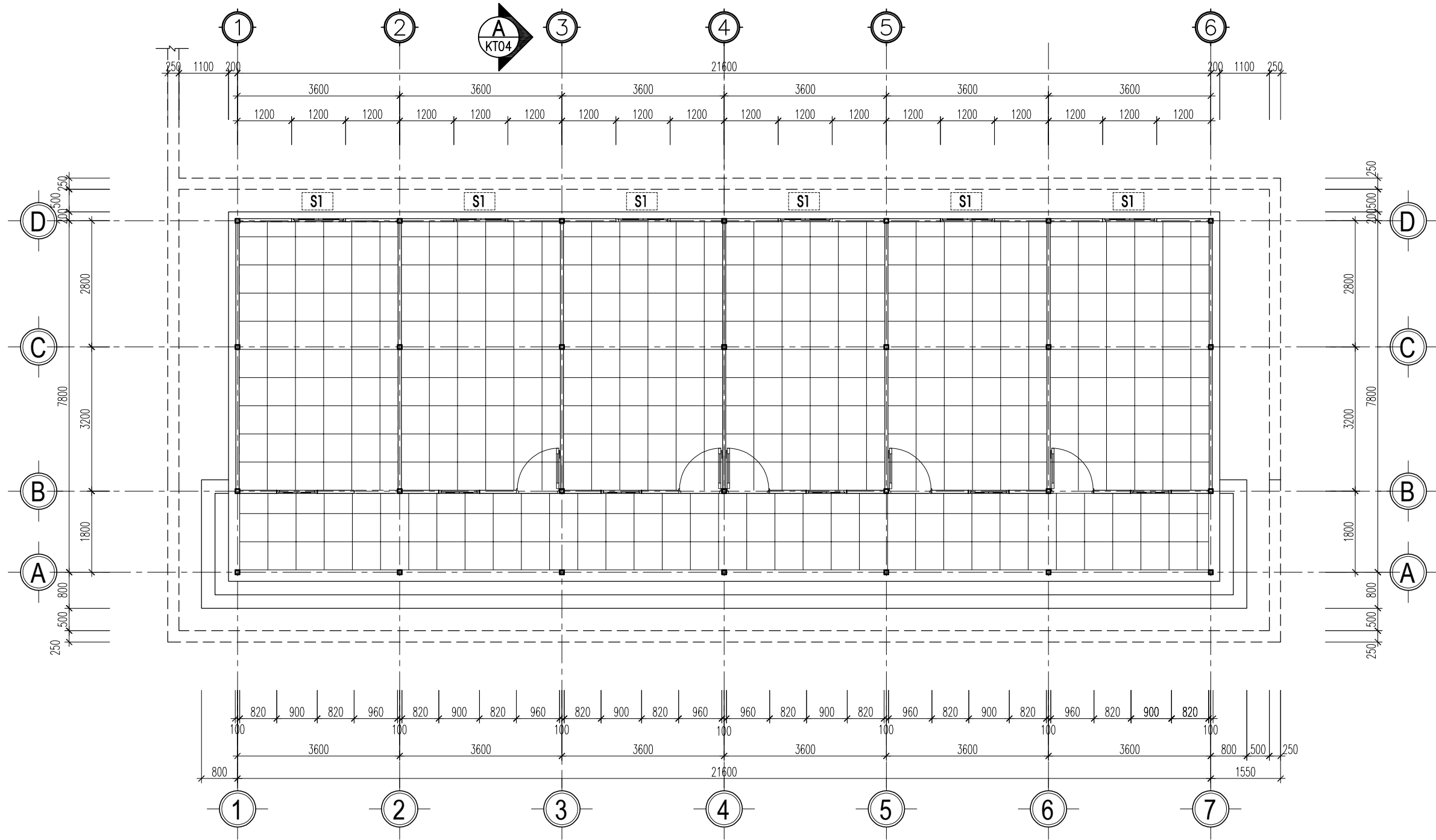
MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH:
TL<1/100>

THUYẾT MINH:

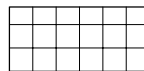
- NHÀ LƯU TRÚ CHO CÁN BỘ CẤP XÃ (QUY MÔ BIÊN CHẾ KHOẢNG 20-25 CÁN BỘ) ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI GIẢI PHÁP NHÀ KHUNG THÉP LẮP GHEP ĐỊNH HÌNH. NHÀ GỒM 6 GIAN, BƯỚC GIAN 3.6M, BƯỚC NHẬP NHÀ 6.0M, PHẦN HIỆN RỘNG 1.8M. DIỆN TÍCH SỬ DỤNG 180M²;
- MÓNG CỘT ĐỒ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MẮC 200#. NỀN NHÀ BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MẮC 200#, DÀY 100MM;
- BÓ NỀN XUNG QUANH BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG VXM MẮC 50#, ĐỘ CAO TỪ MẶT SÂN LÊN 480MM;
- PHẦN CHÂN CỘT LÊN ĐỒ THUNG CAO 150MM ĐƯỢC CHÈN GẠCH VỮA XM MẮC 50#, TRẮT TƯỜNG VỮA MẮC 75 # DÀY 15;
- KHUNG CỘT, KÈO ĐƯỢC GIA CÔNG BẰNG THÉP HÌNH. XÀ GỖ, ĐỒ THUNG BẰNG THÉP DẬP. LIÊN KẾT CÁC CHI TIẾT LẮP GHEP BẰNG BU LÔNG. CÁC KẾT CẤU THÉP SAU KHI GIA CÔNG XONG ĐƯỢC LÀM SẠCH, SƠN 2 LỚP SƠN CHỐNG GỈ VÀ 1 LỚP SƠN MÀU GHI SÁNG;
- MÁI LỢP TÔN CHỐNG NÓNG 3 LỚP,D=0.4MM;
- NỀN CÔNG TRÌNH LÁT TOÀN BỘ BẰNG GẠCH CERAMIC KT 600X600. BẬC TAM CẤP ỐP TOÀN BỘ MẶT BẠC + CỔ BẠC BẰNG GẠCH ĐỎ TUCI KT 400X400
- HỆ THỐNG TƯỜNG BAO XUNG QUANH NHÀ VÀ CÁC VÁCH NGĂN DÙNG TẤM PANEL TÔN 3 LỚP CHỐNG CHÁY ROCKWOOL. ĐƯỢC CẮT ĐỊNH HÌNH THEO CÁC KÍCH THƯỚC PHÙ HỢP VÀ LẮP CHẮC CHẴN VÀO CÁC RANH ĐỒ THUNG;
- CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ BẰNG CỬA THÉP HỘP ĐỊNH HÌNH, KÍNH TRẮNG DÀY 5MM;

CHÚ Ý:
CÁC THIẾT BỊ SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH (GIƯỜNG, TỦ , BÀN)
KHÔNG TÍNH VÀO CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTB/PDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; GLDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02			
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KT:01
THIẾT KẾ				NĂM 2025	

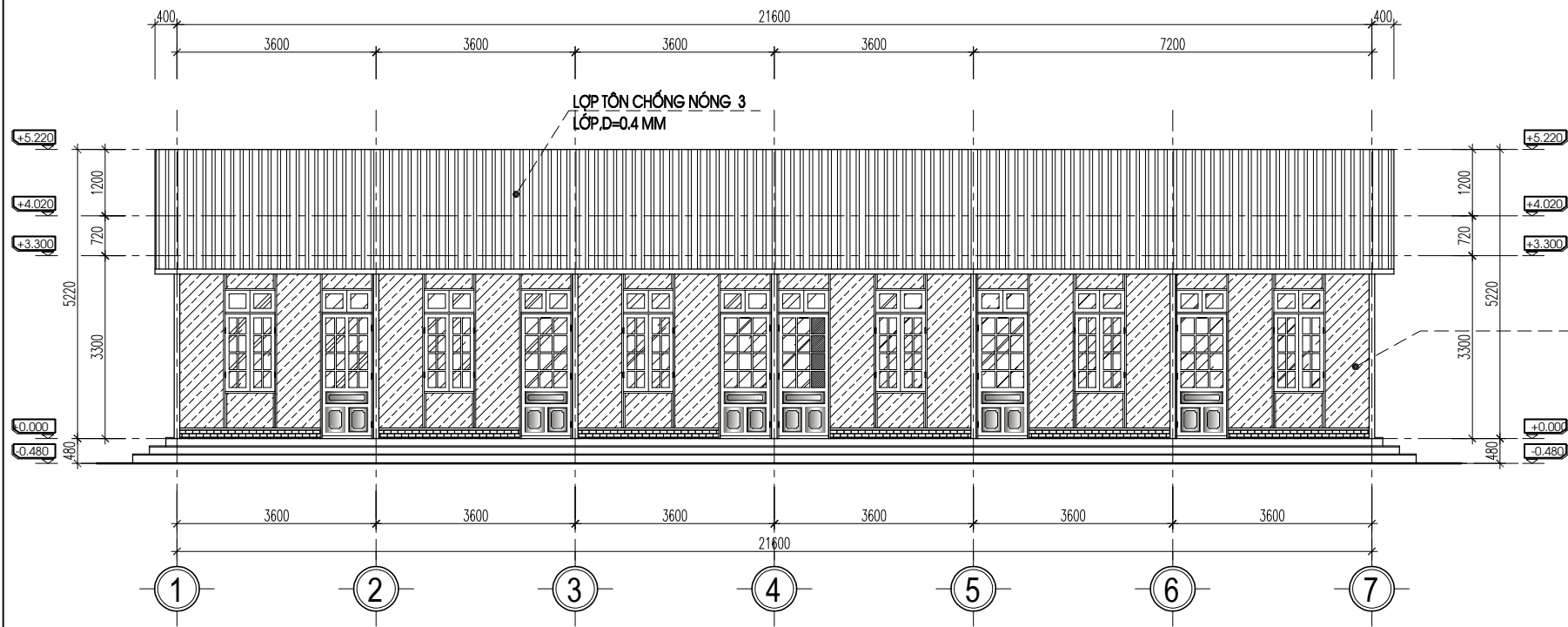


MẶT BẰNG LÀM TRẦN CÔNG TRÌNH:
TL<1/100>

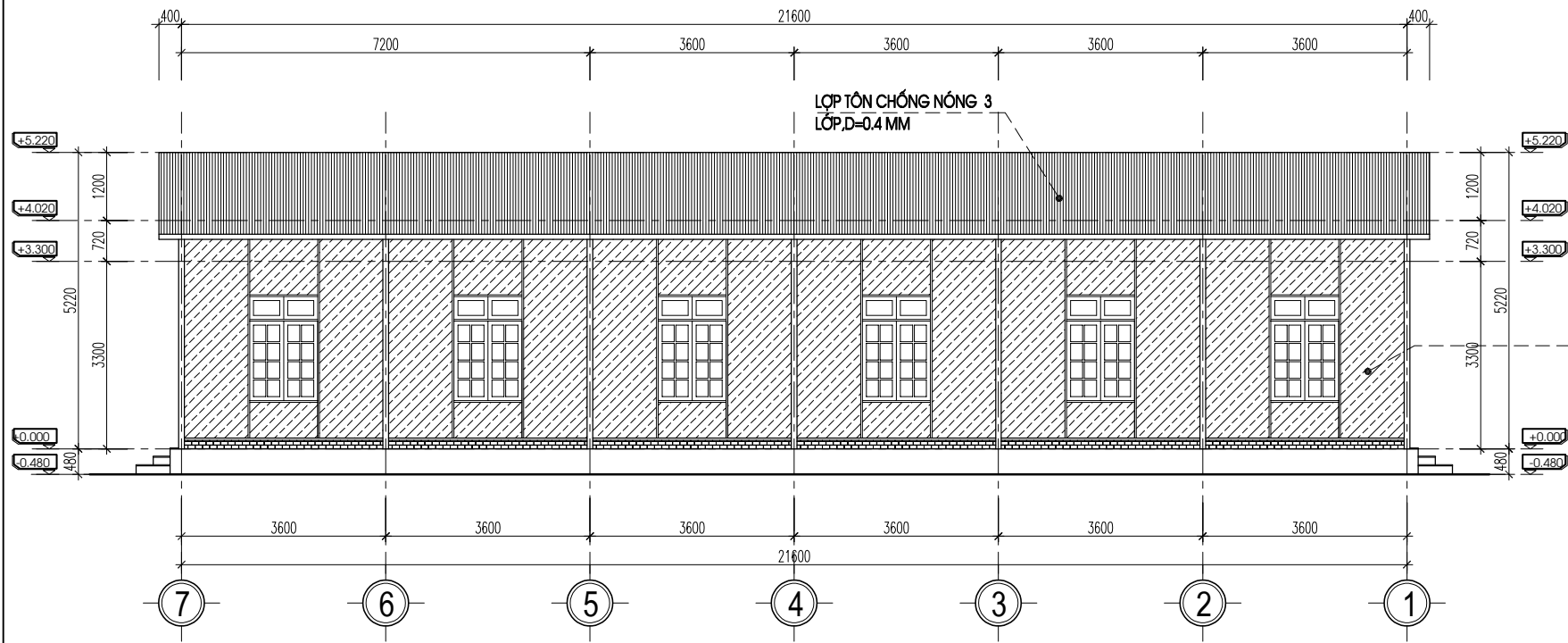


TRẦN SỬ DỤNG TRẦN NHỰA KHUNG XƯƠNG NỔI, KÍCH THƯỚC TẤM
TRẦN 600X600; TỔNG DIỆN TÍCH LÀM TRẦN S= 163.0 M2

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTH&PTDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRỮ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KT:01
THIẾT KẾ				NĂM 2025	

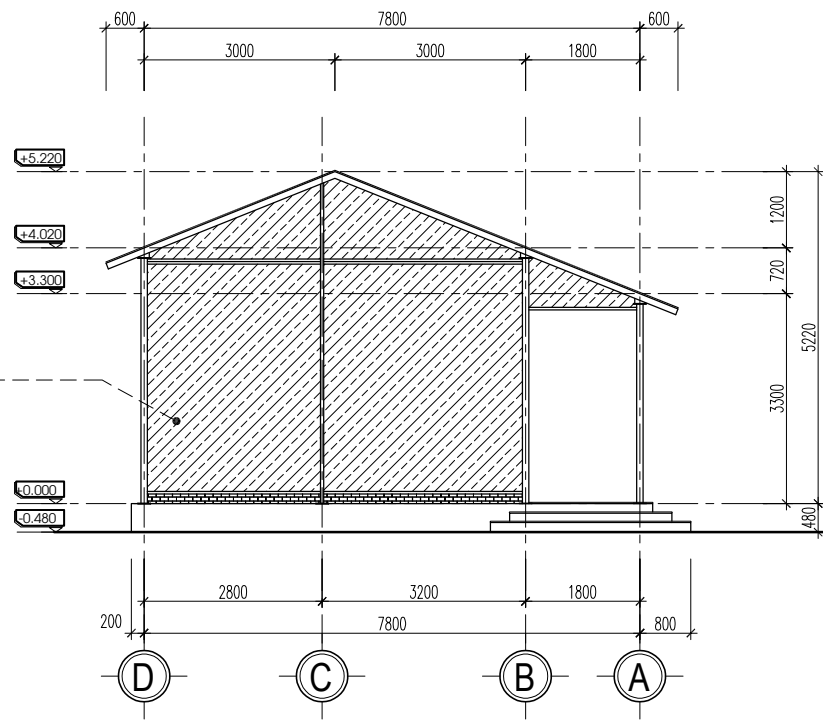


MẶT ĐỨNG TRỤC 1-7:
TL<1/100>

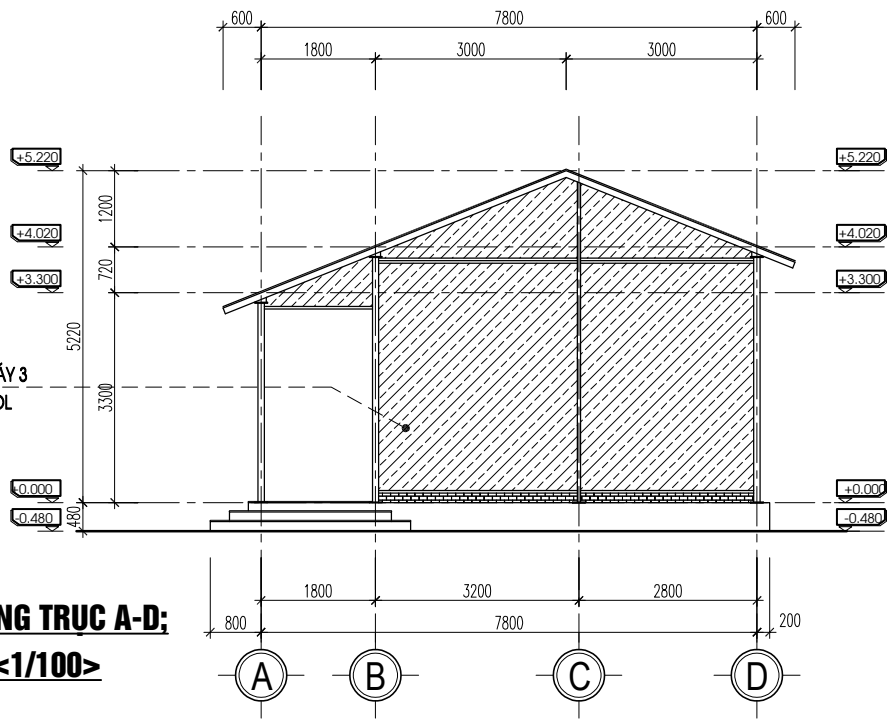


MẶT ĐỨNG TRỤC 7-1:
TL<1/100>

BẢNG THÔNG KẾ CỬA TOÀN NHÀ				
KÝ HIỆU	LOẠI CỬA	KÍCH THƯỚC (MM)		SỐ LƯỢNG (C.K)
		RỘNG	CAO (CỬA + Ô THOÁNG)	
Đ1	CỬA ĐI 1 CÁCH - CỬA THÉP ĐỊNH HÌNH PANO KÍNH TRẮNG	900	2700	06
S1	CỬA SỐ 2 CÁCH - CỬA THÉP ĐỊNH HÌNH PANO KÍNH TRẮNG	1200	1900	06
S2	CỬA SỐ 2 CÁCH - CỬA THÉP ĐỊNH HÌNH PANO KÍNH TRẮNG	900	1900	06

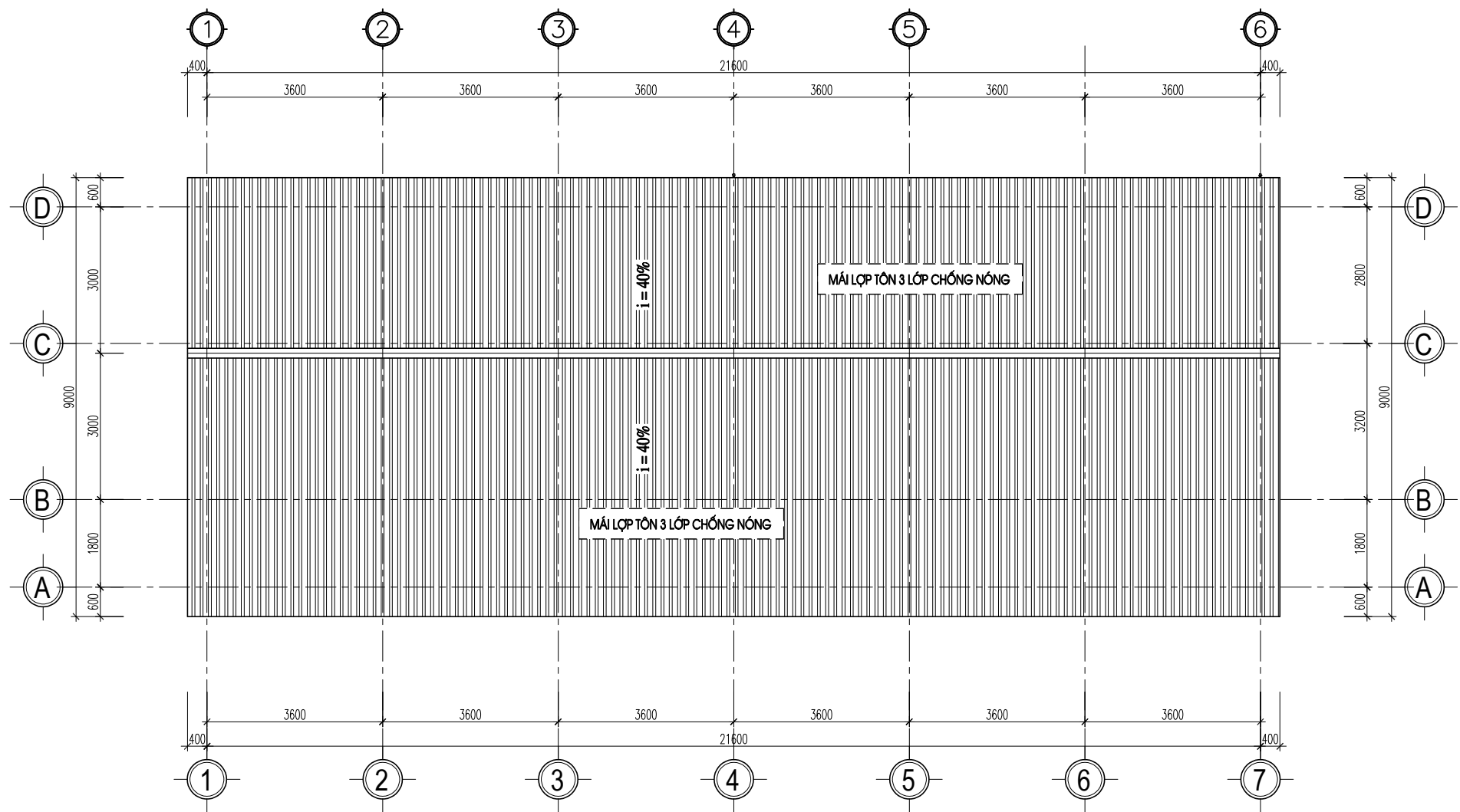


MẶT ĐỨNG TRỤC D-A:
TL<1/100>



MẶT ĐỨNG TRỤC A-D:
TL<1/100>

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTHPTDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG		
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN		
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN		
THIẾT KẾ				
		TỶ LỆ: 1/100	T.K.M NĂM 2025	KT:02



MẶT BẰNG MÁI CÔNG TRÌNH:
TL<1/100>



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/> Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 005; 0212 3751 137; QH, KTHPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ

(NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02

GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN

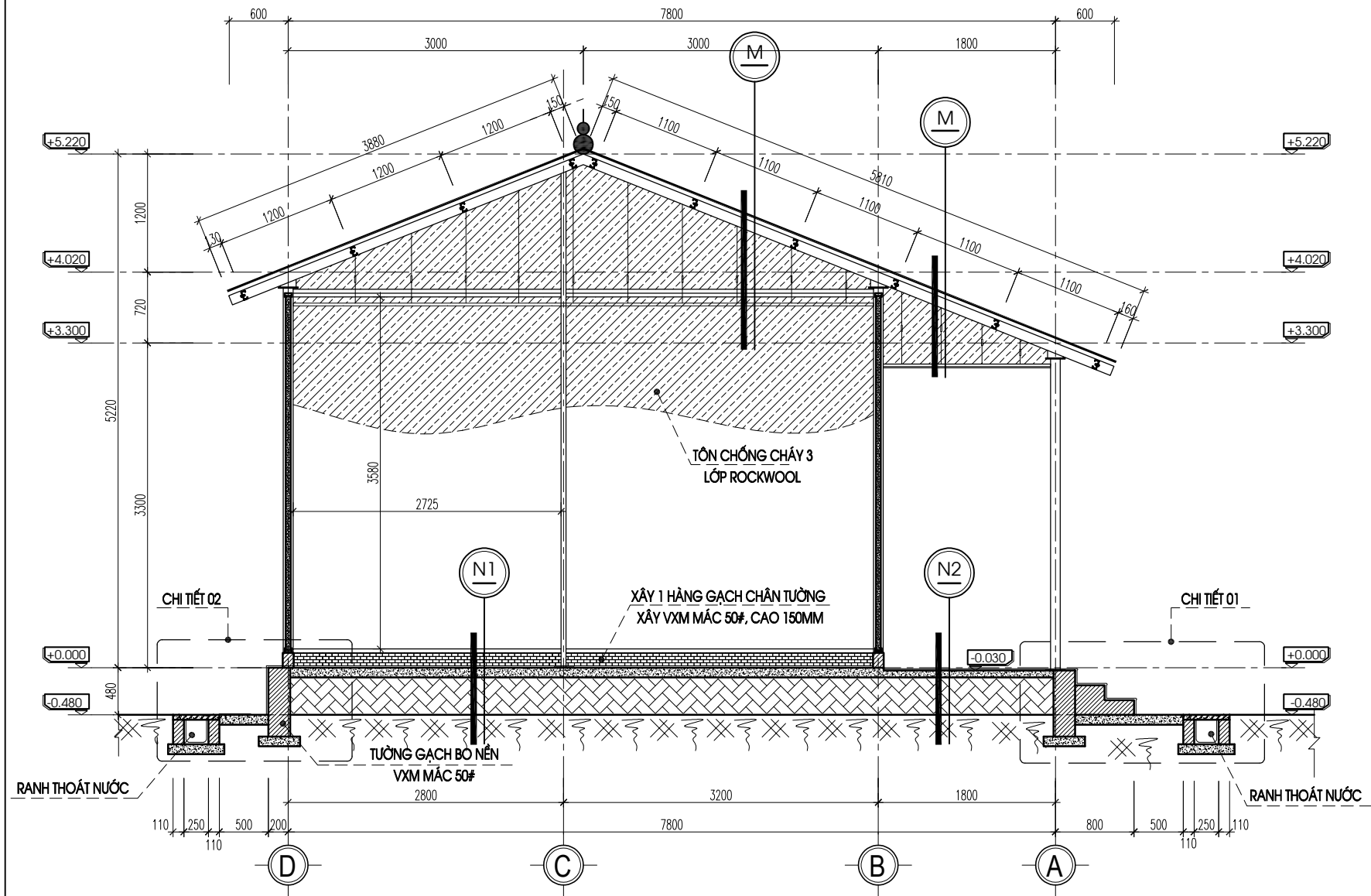
MẶT BẰNG MÁI CÔNG TRÌNH

TỶ LỆ: 1/100

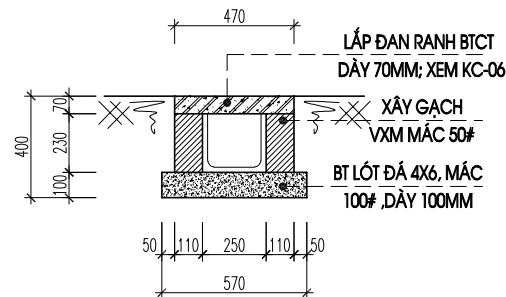
T.K.M

NĂM 2025

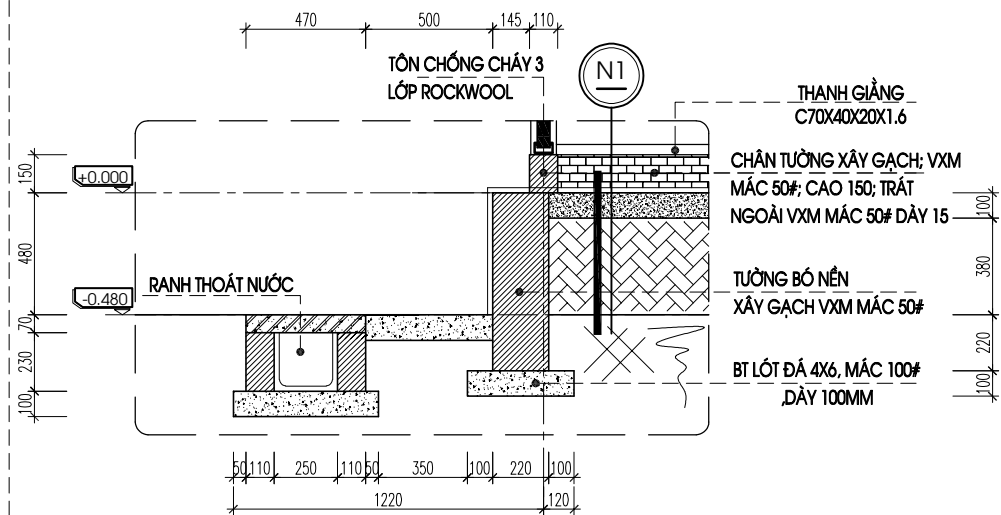
KT:03



MẶT CẮT A - A
(TL : 1 / 50)



CHI TIẾT RANH THOÁT NƯỚC CÓ NẬP
TỔNG CHIỀU DÀI L=70M



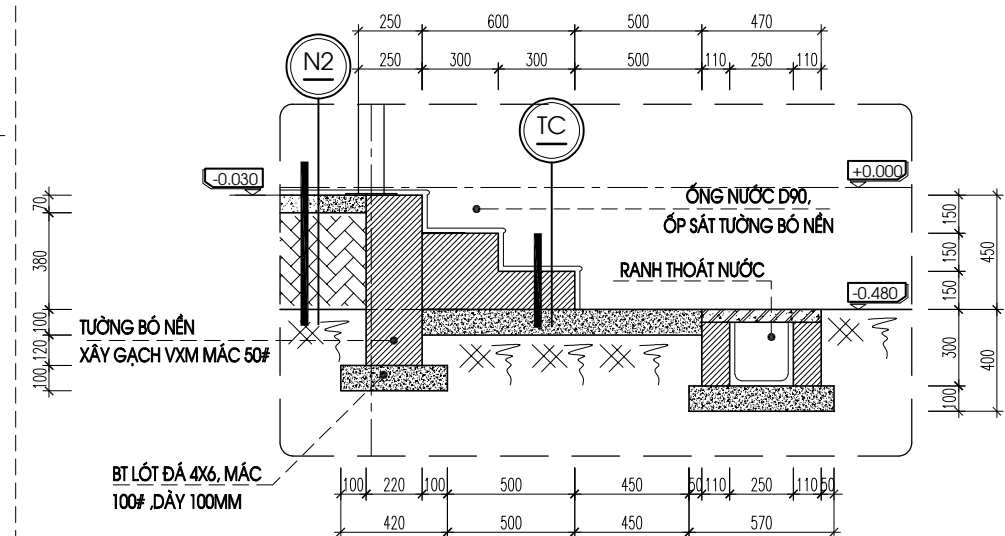
CHI TIẾT 2: (TL : 1 / 25)

- CT NỀN CÔNG TRÌNH**
- LÁT GẠCH CERAMIC KT 600X600 MÀU SÁNG
 - VỮA XI MĂNG LÁT GẠCH
 - BÊ TÔNG ĐÁ 2X4 MÁC 150#, DÂY 100
 - LỚP ĐẤT ĐÁP NỀN ĐẮM CHẶT
 - LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN

- CT NỀN CÔNG TRÌNH**
- LÁT GẠCH CERAMIC KT 600X600 MÀU SÁNG
 - VỮA XI MĂNG LÁT GẠCH
 - BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MÁC 200#, DÂY 70
 - LỚP ĐẤT ĐÁP NỀN ĐẮM CHẶT
 - LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN

- CT Mái CÔNG TRÌNH**
- LỚP TÔN CHỐNG NÓNG 3 LỚP
 - XÀ GỖ THÉP
 - VÌ KÉO THÉP
 - TRẦN NHỰA KT 600X600 KHUNG XƯƠNG NỔI

- CT BẠC TAM CẤP**
- MẶT BẠC + CỎ BẠC ỐP GẠCH ĐỎ KT 400X400
 - BẠC XÂY GẠCH VXM MÁC 50# KHÔNG TRÁT
 - ĐỆM BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MÁC 200#, DÂY 100
 - LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN



CHI TIẾT 1: (TL : 1 / 25)

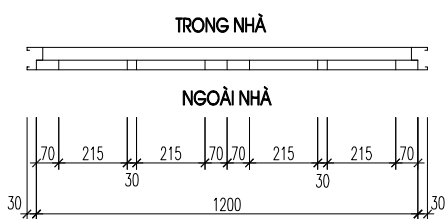
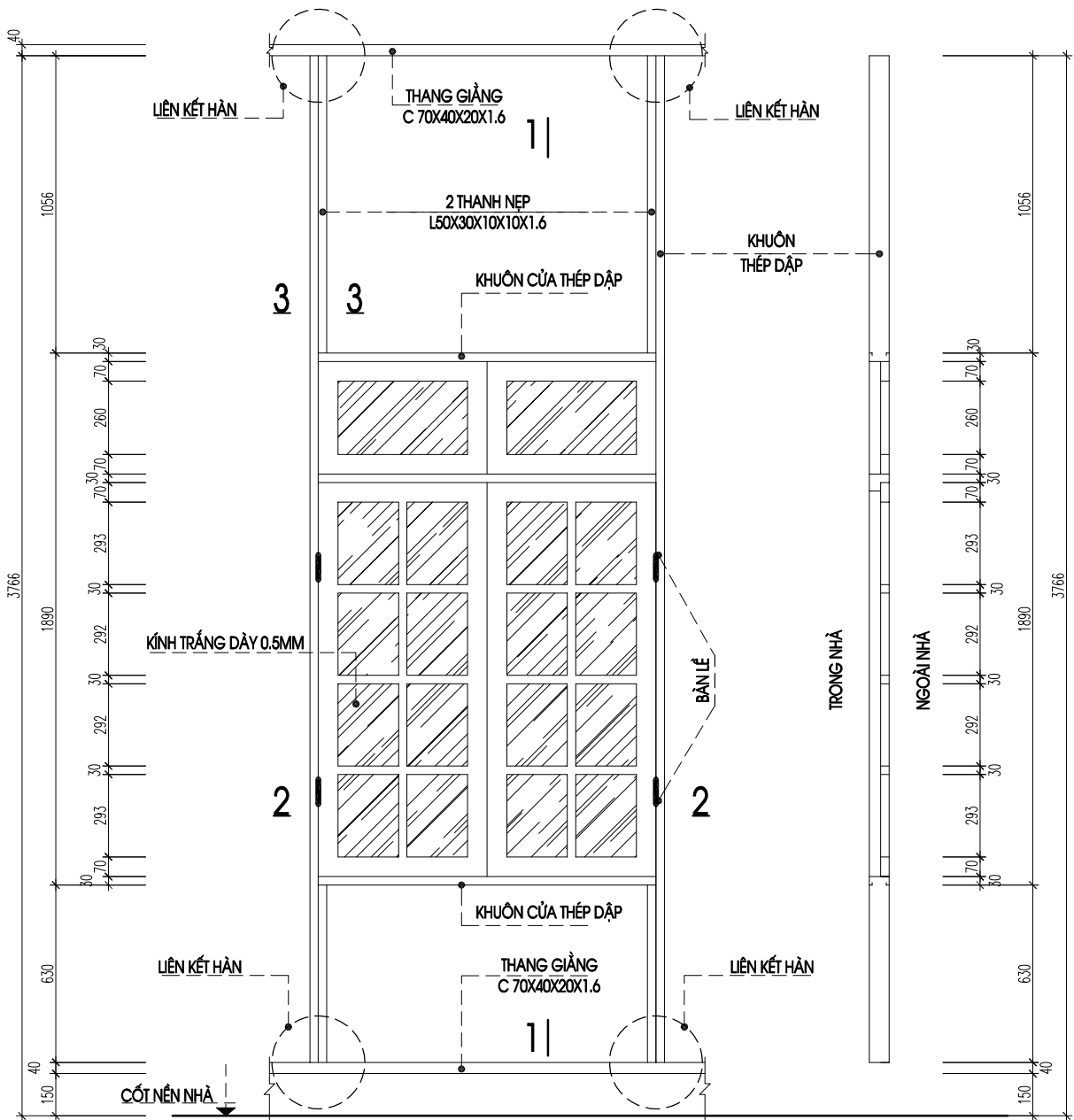


SỞ XÂY DỰNG SƠN LA
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lề, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/> Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn
HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005; 0212 3751 137; QH, KTM/PTDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. LÒ AN CƯỜNG
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN
Q.TRƯỞNG PHÒNG	KS. ĐẶNG VĂN THẮNG
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KS. NGÔ QUANG TUẤN
THIẾT KẾ	

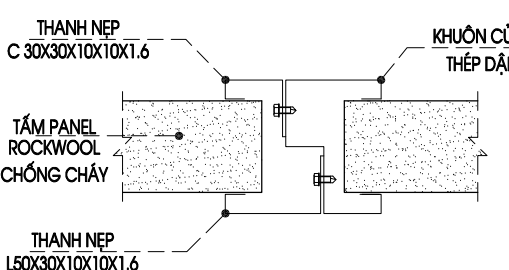
SỞ XÂY DỰNG SƠN LA
THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ
(NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02

MẶT CẮT CÔNG TRÌNH CÁC CHI TIẾT		
TỶ LỆ: 1/100	T.K.M NĂM 2025	KT:04

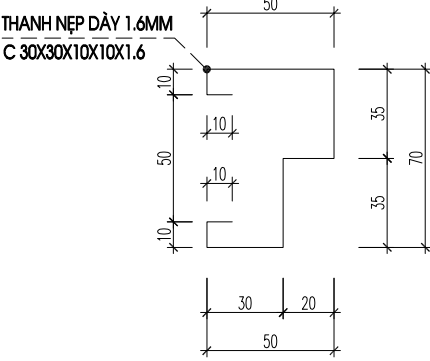


MẶT CẮT 1-1

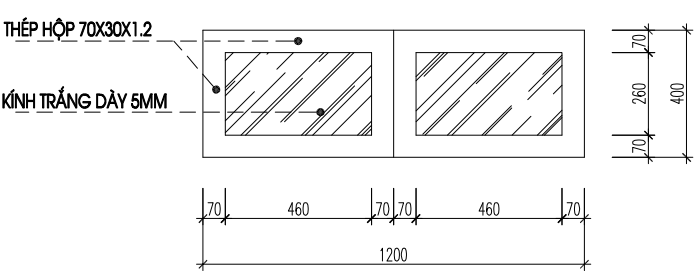
MẶT CẮT 2-2



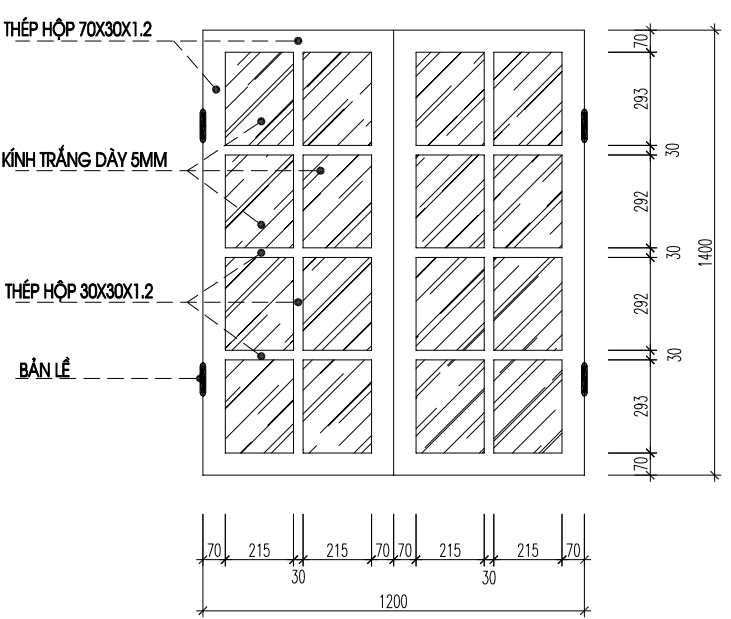
CẮT 3-3



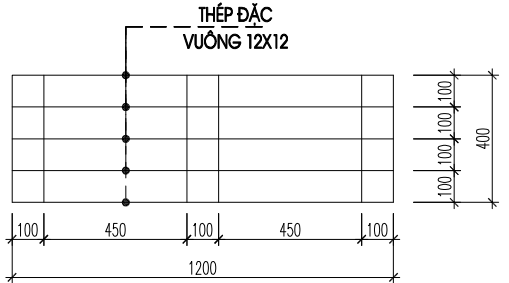
KÍCH THƯỚC KHUÔN CỬA THÉP DẬP



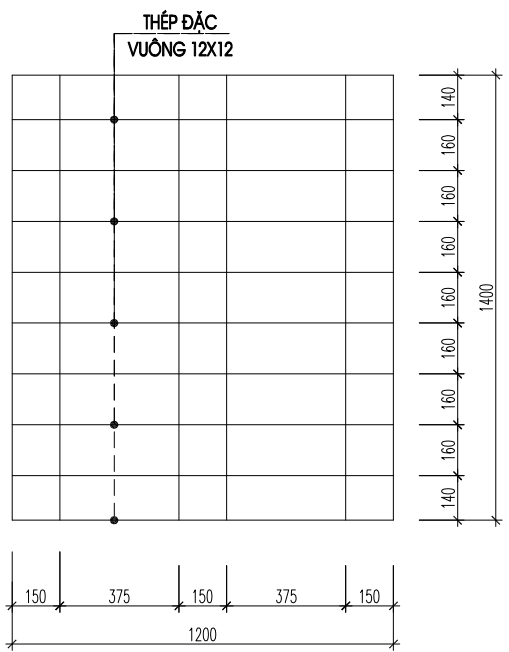
Ô THOÁNG CỬA S1



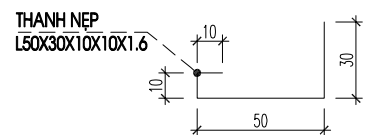
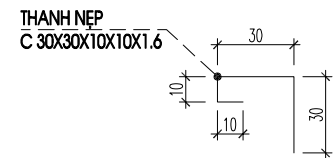
CHI TIẾT CÁNH CỬA SỐ S1



Ô THOÁNG HOA SẮT CỬA S1



HOA SẮT CỬA SỐ S1

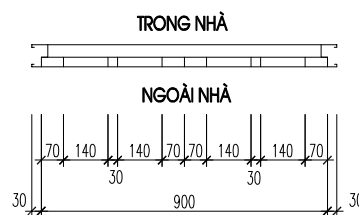


KÍCH THƯỚC THANH NÉP 30X30X10X10X1.6

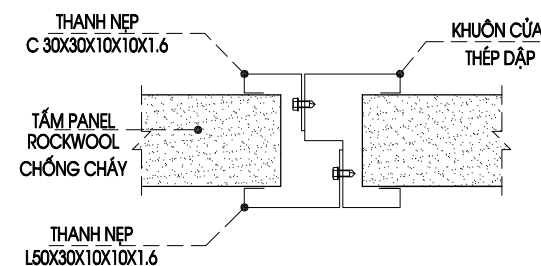
KÍCH THƯỚC THANH NÉP 50X30X10X10X1.6

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gaqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAG-XD 005; 0212 3751 137; QH, KTHPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	CHI TIẾT CỬA		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KT:05
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN		NĂM 2025	

CỬA SỐ S1
- KÍCH THƯỚC : 1200X1900
- SỐ LƯỢNG : 06 BỘ
- HÌNH THỨC : THÉP HỘP, KÍNH
- KHUÔN CỬA THÉP SƠN TĨNH ĐIỆN



MẮT CẮT 2-2



THANH NẾP DÂY 1.6MM
C 30X30X10TX1.6

Technical drawing of a C-channel profile. The drawing shows the front and side views. The front view (top) has a total width of 50, with a 30mm flange on the left and a 20mm flange on the right. The height is 70, with a 35mm top flange and a 35mm bottom flange. The side view (bottom) shows a total height of 50, with a 10mm top flange and a 10mm bottom flange. The web thickness is 1.6mm. The drawing is labeled 'THANH NẾP DÂY 1.6MM' and 'C 30X30X10TX1.6'.

THÉP HỘP 70X30X1.2

KÍNH TRẮNG ĐÀY 5MM

70 310 70 70 310 70

900

70 260 70 400

Technical drawing of a window frame assembly showing dimensions and material specifications.

Dimensions (mm):

- Overall width: 900
- Overall height: 1000
- Frame thickness: 70
- Glazing unit thickness: 140
- Spigot thickness: 30
- Distance between spigots: 140
- Distance between glazing units: 70
- Distance between frame and glazing unit: 70

Material Specifications:

- THÉP HỘP 70X30X1.2 (Steel frame)
- KÍNH TRẮNG DÀY 5MM (5mm thick clear glass)
- THÉP HỘP 30X30X1.2 (Steel frame)
- BẢN LỀ (Spigot)

THANH NÉP
C 30X30X10X10X1.6

30
10
10
02

THÉP ĐẮC VUÔNG 12X12

900

400

100 300 100 300 100

100 100 100 100

THÉP ĐẶC
VUÔNG 12X12

100 300 100 300 100

900

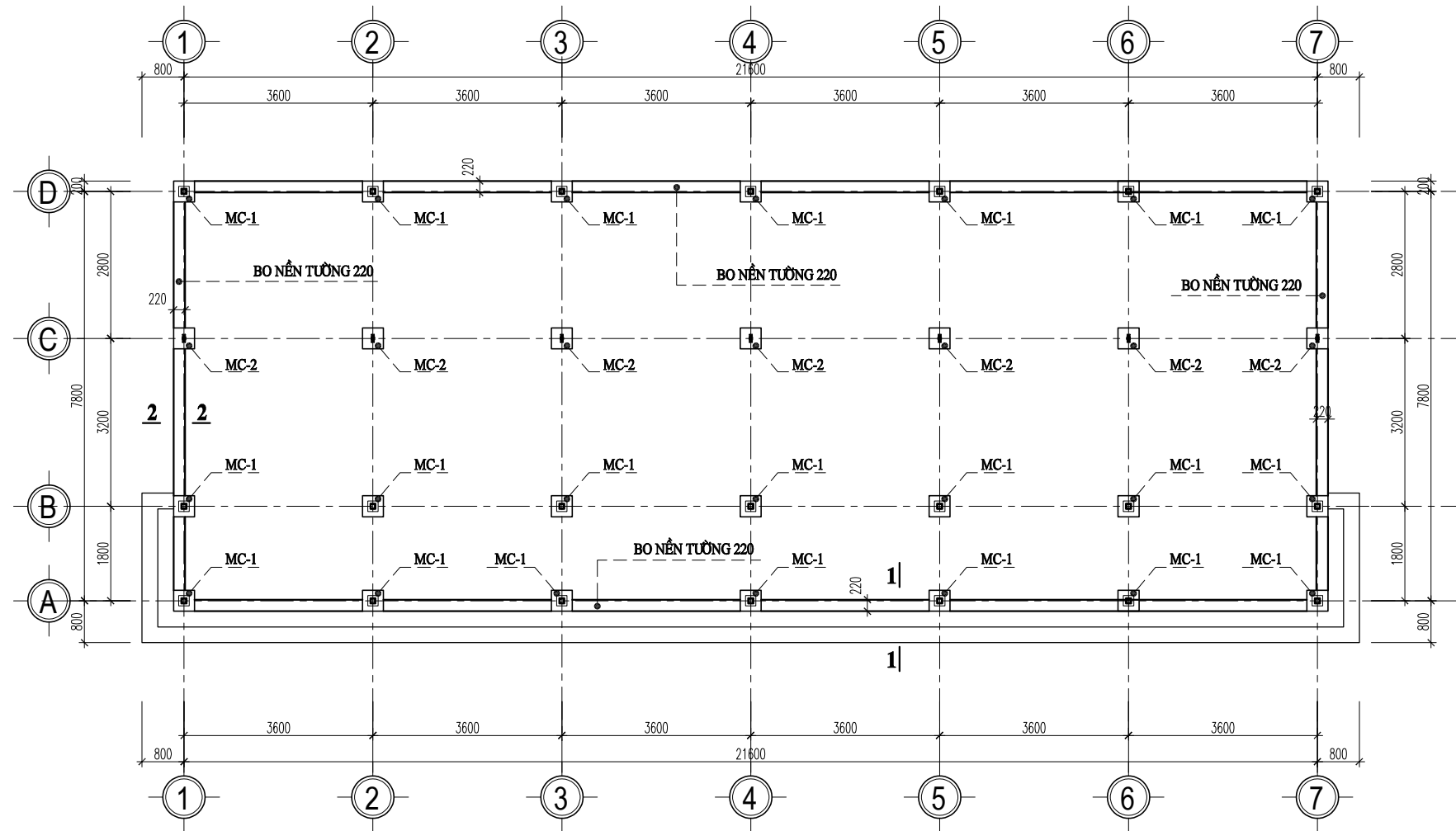
140 160 160 160 160 160 160 160 140

1400

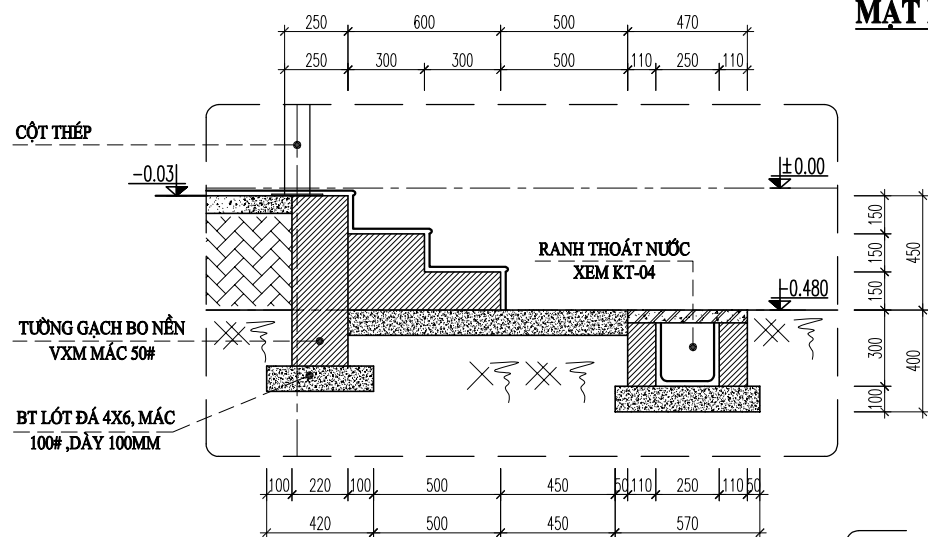
	SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lề, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTB-PDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA- 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866	SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ , CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN TRUNG KIẾN	CHI TIẾT CỦA TỶ LỆ: 1/100 T.K.M NĂM 2025 KT:06
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. LÒ AN CƯỜNG	
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN	
Q.TRƯỞNG PHÒNG	KS. ĐẶNG VĂN THẮNG	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KS. NGÔ QUANG TUẤN	
THIẾT KẾ		

TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KT:07
	NĂM 2025	

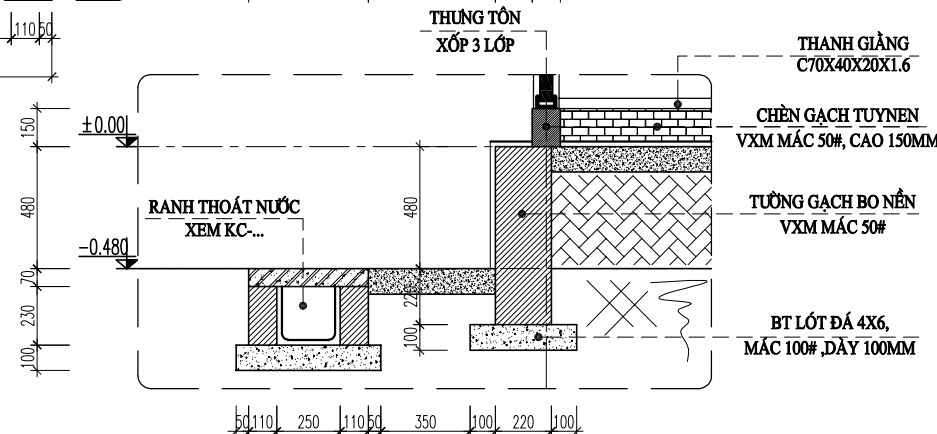
PHẦN KẾT CẤU



MẶT BẰNG MÓNG



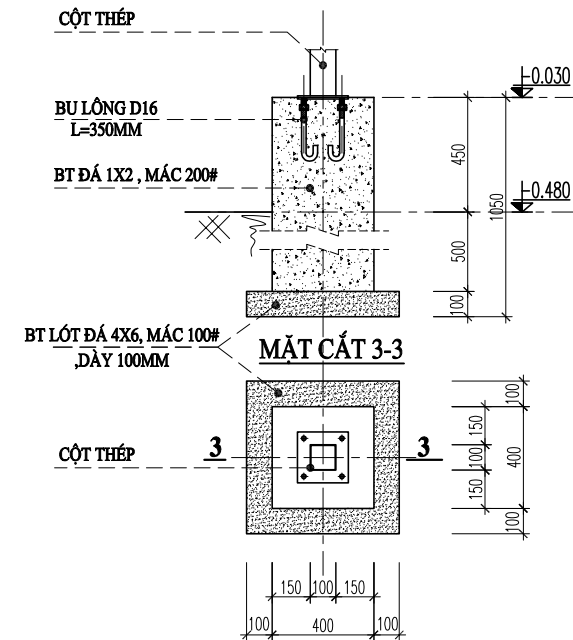
MẶT CẮT 1-1



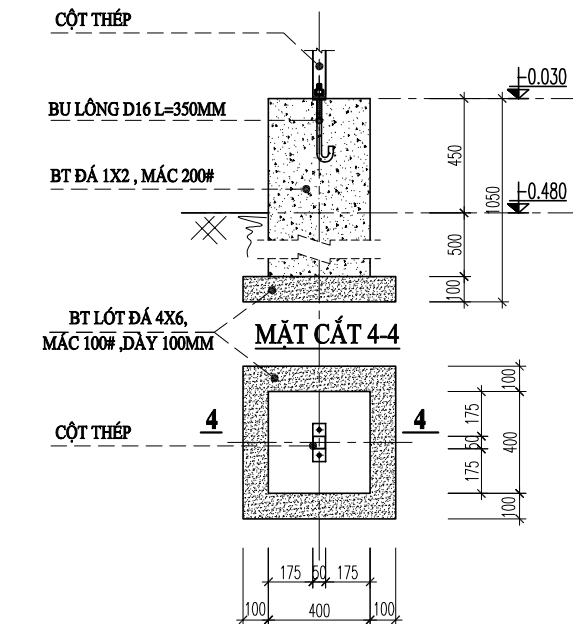
MẶT CẮT 2-2

GHI CHÚ:

- MÓNG CỘT ĐỔ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 200#. ĐÁY MÓNG ĐỆM CÁT ĐEN, DÀY 50 MM.
- NỀN NHÀ ĐỔ BÊ TÔNG ĐÁ 4X6, MÁC 100#, DÀY 100MM. TRÊN LÁT GẠCH CERAMIC KT 600X600.
- BẠC TAM CẤP XÂY GẠCH VỮA XM MÁC 50#. BỎ NỀN XÂY ĐÁ HỘC VỮA XM MÁC 50#
- XEM KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ KẾT CẤU KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐỂ THI CÔNG CHO ĐÚNG THIẾT KẾ.

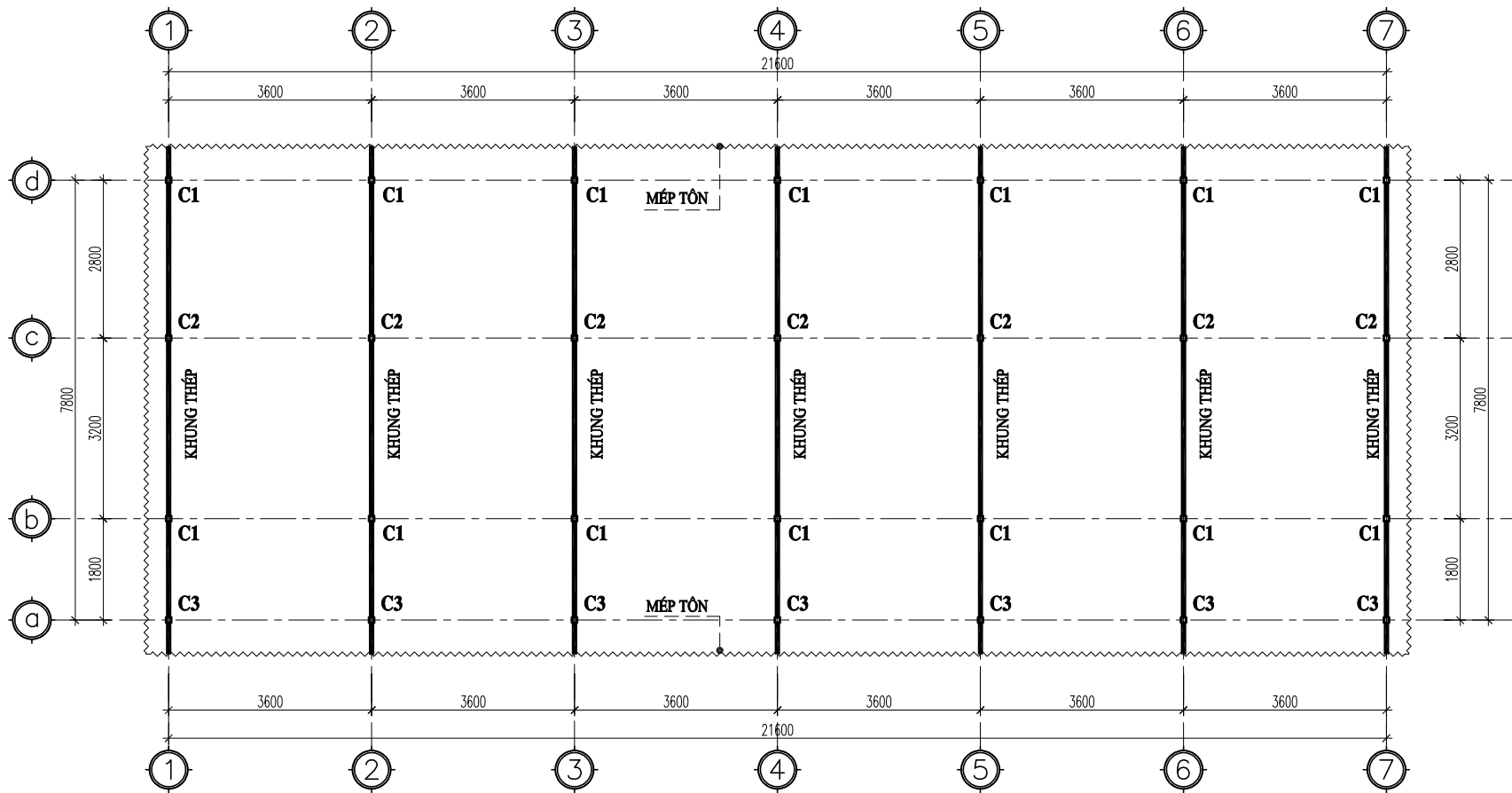


MÓNG MC-1 (SL = 21)

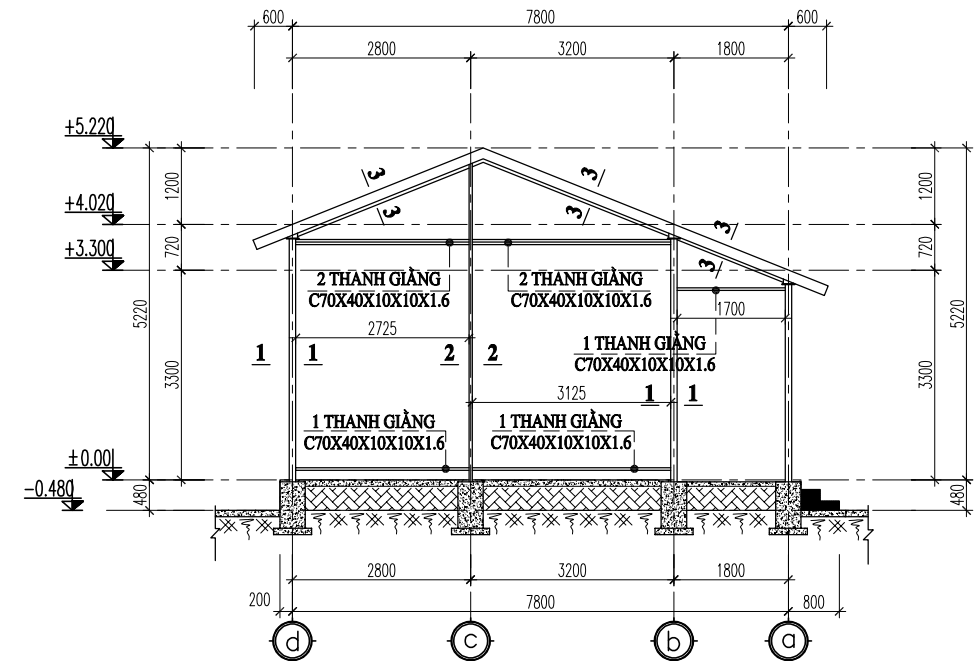


MÓNG MC-2 (SL = 07)

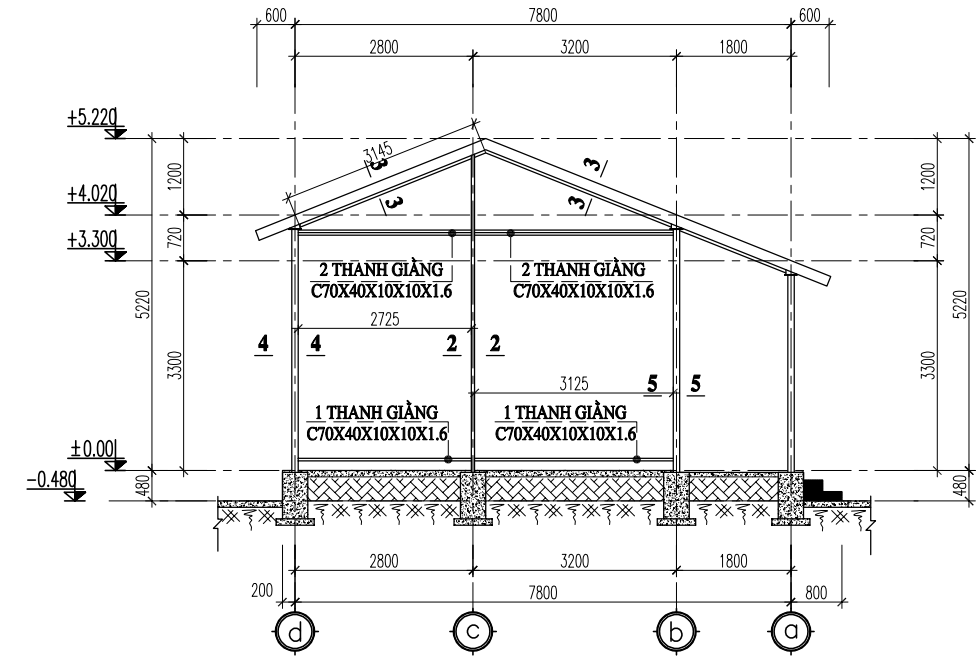
 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005; 0212 3751 137; QH, KINH ĐỊNH: 0212 3753 896; KT-KT: 0212 3753 896; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG MÓNG CÔNG TRÌNH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KC:01
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN		NĂM 2025	



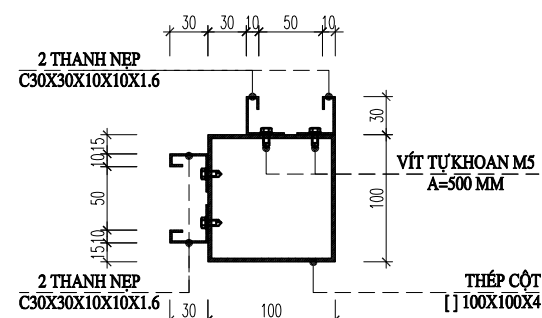
MẶT BẰNG KẾT CẤU KHUNG VÀ ĐỊNH VỊ CỘT



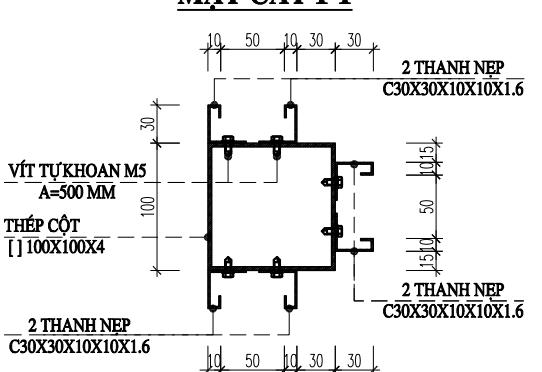
CHI TIẾT BỐ TRÍ GIÀNG KHUNG TRỤC 1,7



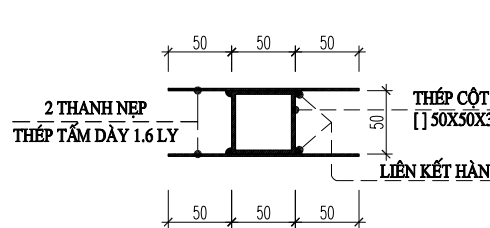
CHI TIẾT BỐ TRÍ GIÀNG KHUNG TRỤC 2,3,4,5,6



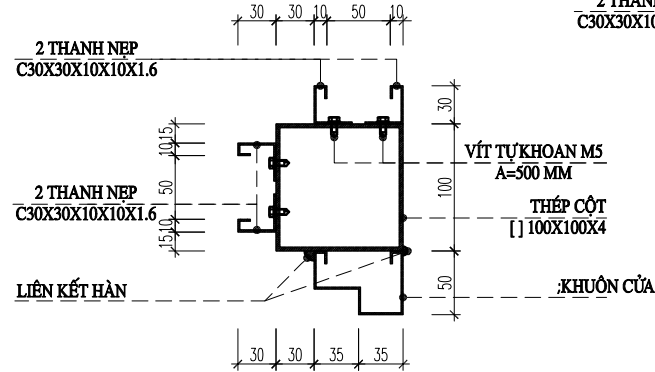
MẶT CẮT 1-1



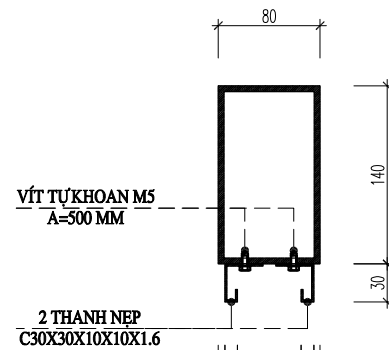
MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 2-2



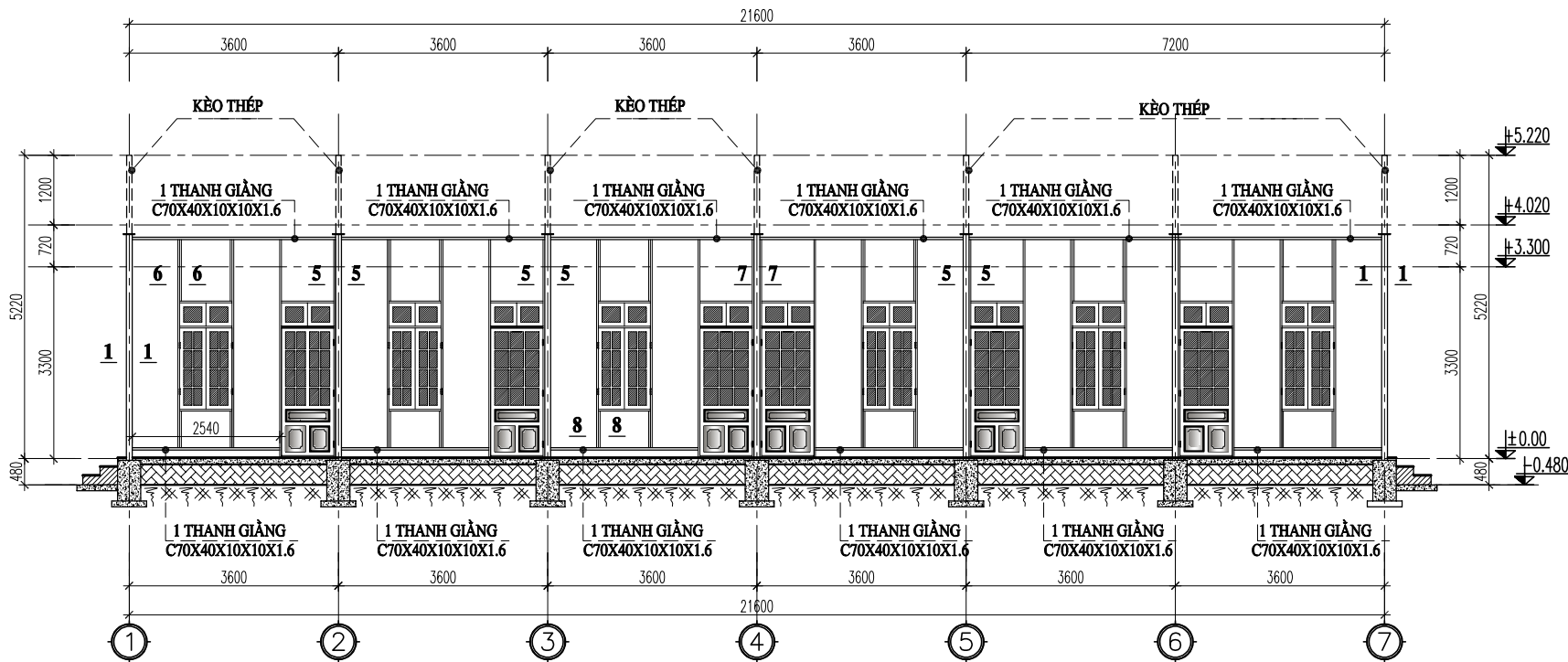
MẶT CẮT 5-5



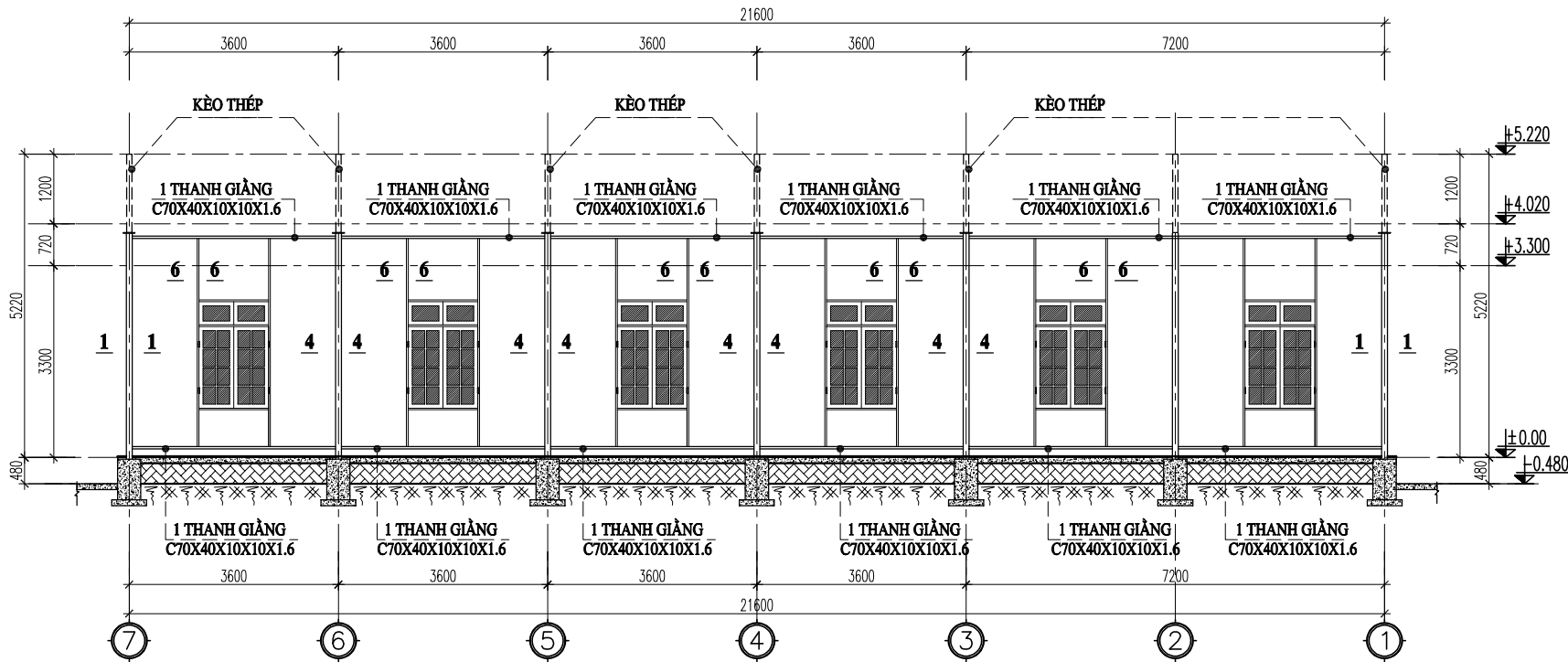
MẶT CẮT 3-3

- GHI CHÚ :
- CÁC ĐƯỜNG HÀN : HH >= 4
 - VẬT LIỆU : THÉP CT-3
 - BU LÔNG CỎ :
 - + CƯỜNG ĐỘ CHỊU KÉO : RC = 2100 KG/CM2
 - + CƯỜNG ĐỘ CHỊU CẮT : RC = 1900KG/CM2
 - THANH NÉP , THANH GIÀNG ĐƯỢC ĐẬP ĐỊNH HÌNH THEO KÍCH THƯỚC BẢN VẼ. ĐƯỢC SƠN 2 LỚP SƠN CHỐNG RỈ VÀ 1 LỚP SƠN MÀU GHI SÁNH

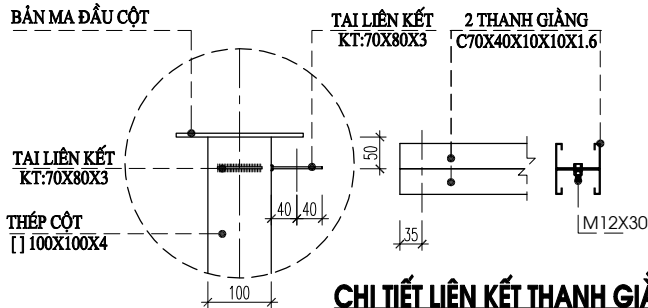
 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://qdah.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTMPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSHF: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG KẾT CẤU KHUNG CHI TIẾT BỐ TRÍ GIÀNG KHUNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ			TỶ LỆ: 1/100	T.K.M NĂM 2025	KC:02



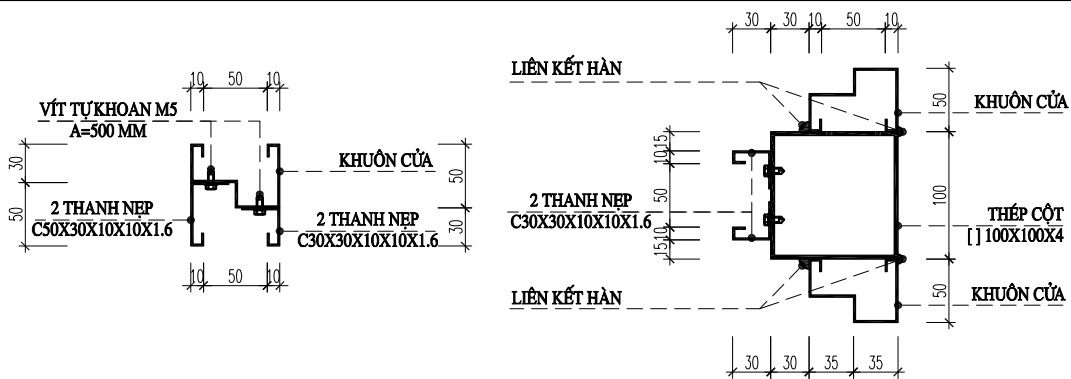
CHI TIẾT BỐ TRÍ GIÀNG KHUNG TRỤC B



CHI TIẾT BỐ TRÍ GIÀNG KHUNG TRỤC D

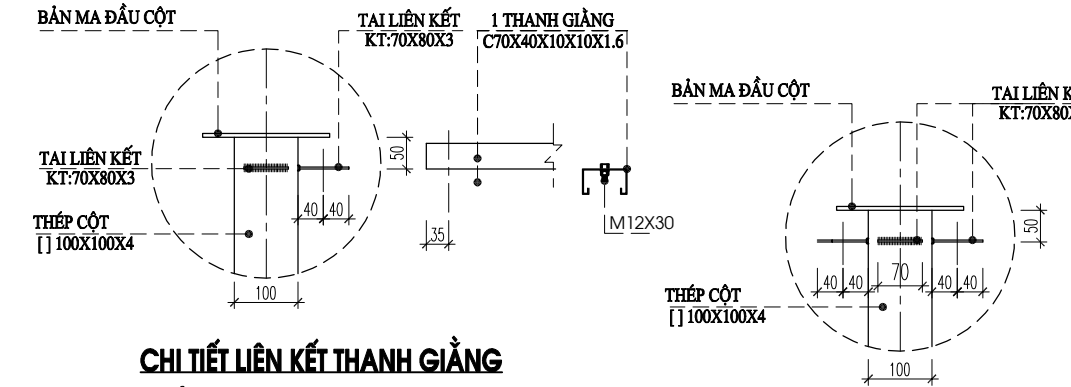


CHI TIẾT LIÊN KẾT THANH GIÀNG ĐỈNH CỘT TRỤC 1 TỪ TRỤC B-D;

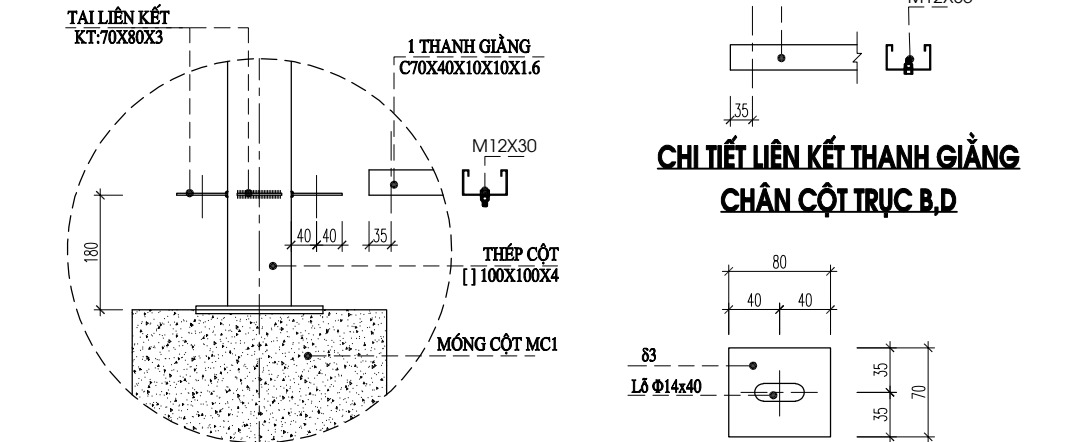


MẶT CẮT 6-6

MẶT CẮT 7-7

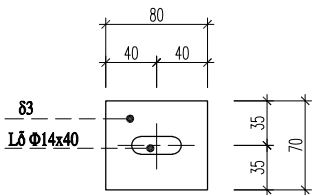


CHI TIẾT LIÊN KẾT THANH GIÀNG ĐỈNH CỘT TRỤC 1,2,3,4,5,6,7



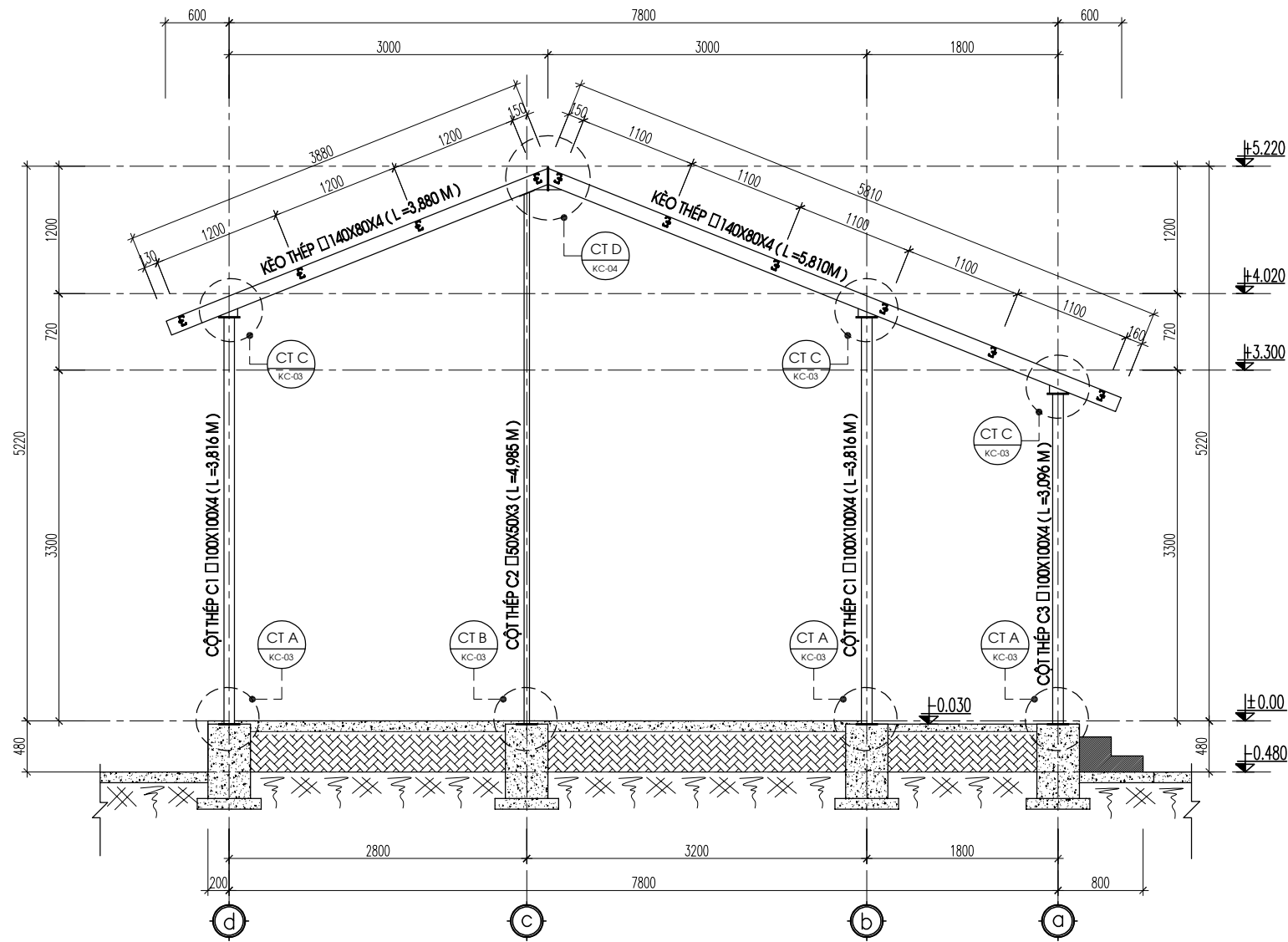
CHI TIẾT LIÊN KẾT THANH GIÀNG CHÂN CỘT

CHI TIẾT LIÊN KẾT THANH GIÀNG CHÂN CỘT TRỤC B,D

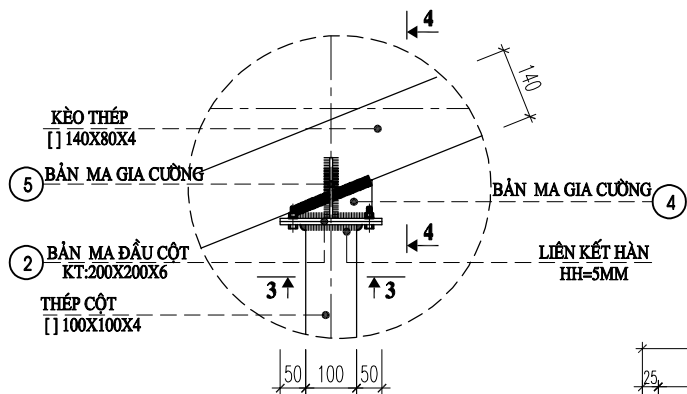


CHI TIẾT TÀI LIÊN KẾT GIÀNG KT:70X80X3

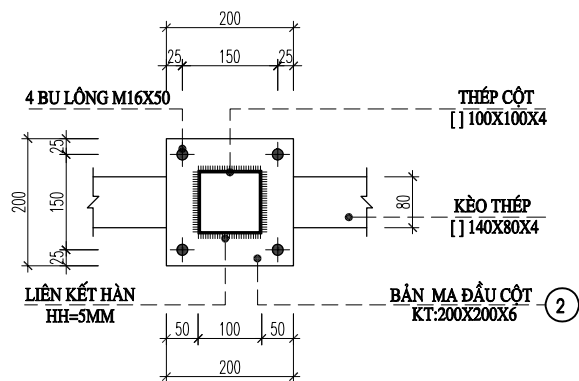
SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gqah.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAG-XD 005: 0212 3751 137; QH, KINHDI: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02																				
<table><tr><td>GIÁM ĐỐC</td><td></td><td>KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN</td></tr><tr><td>QUẢN LÝ KỸ THUẬT</td><td></td><td>KTS. LÒ AN CƯỜNG</td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ</td><td></td><td>KS. VŨ VĂN THẮNG</td></tr><tr><td>Q.TRƯỞNG PHÒNG</td><td></td><td>KS. ĐẶNG VĂN THẮNG</td></tr><tr><td>CHỦ NHIỆM DỰ ÁN</td><td></td><td>KS. NGÔ QUANG TUẤN</td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td></td><td></td></tr></table>			GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG	CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG	Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG	CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	THIẾT KẾ			CHI TIẾT BỐ TRÍ GIÀNG KHUNG		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN																					
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG																					
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG																					
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG																					
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN																					
THIẾT KẾ																							
			TỶ LỆ: 1/100	<table><tr><td>T.K.M</td><td rowspan="2">KC:03</td></tr><tr><td>NĂM 2025</td></tr></table>	T.K.M	KC:03	NĂM 2025																
T.K.M	KC:03																						
NĂM 2025																							



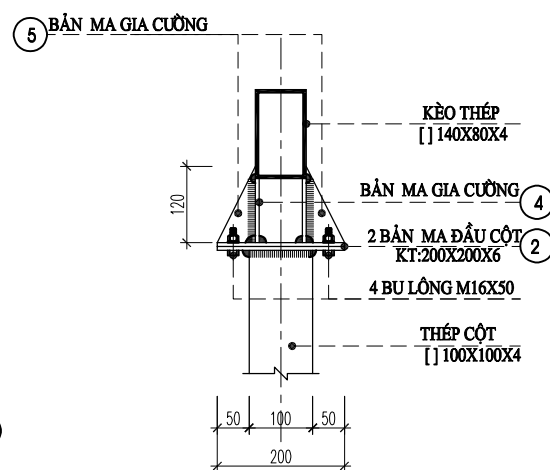
KHUNG THÉP (SL = 07)



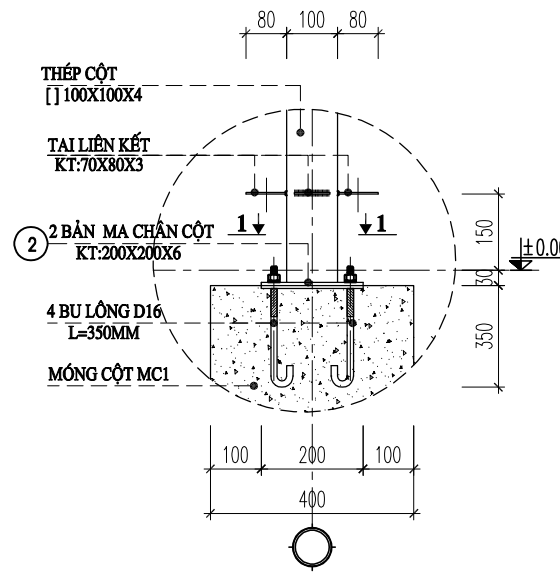
CHI TIẾT C



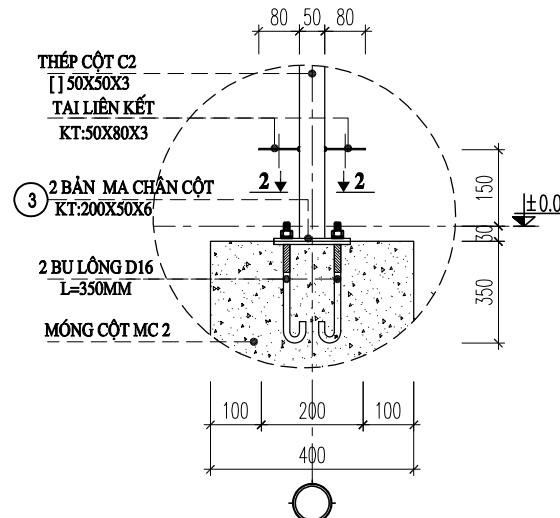
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4

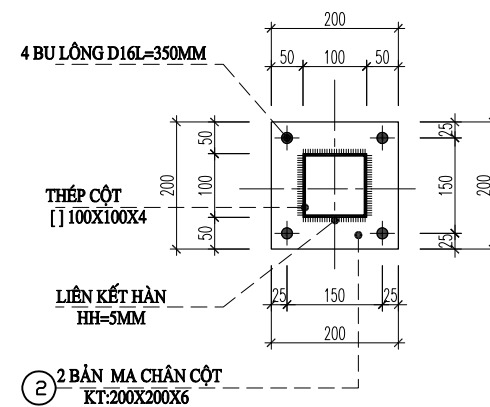


CHI TIẾT A

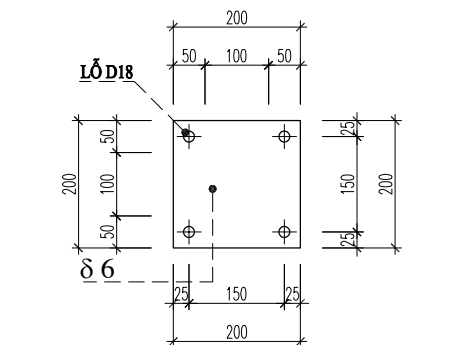


CHI TIẾT B

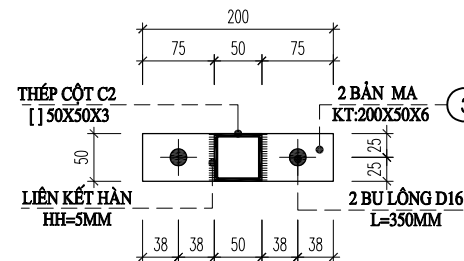
CHI TIẾT TẠI LIÊN KẾT GIÀNG
KT: 50X80X3



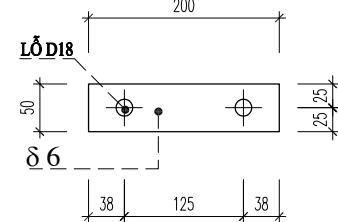
MẶT CẮT 1-1



CHI TIẾT BẢN MÃ 2

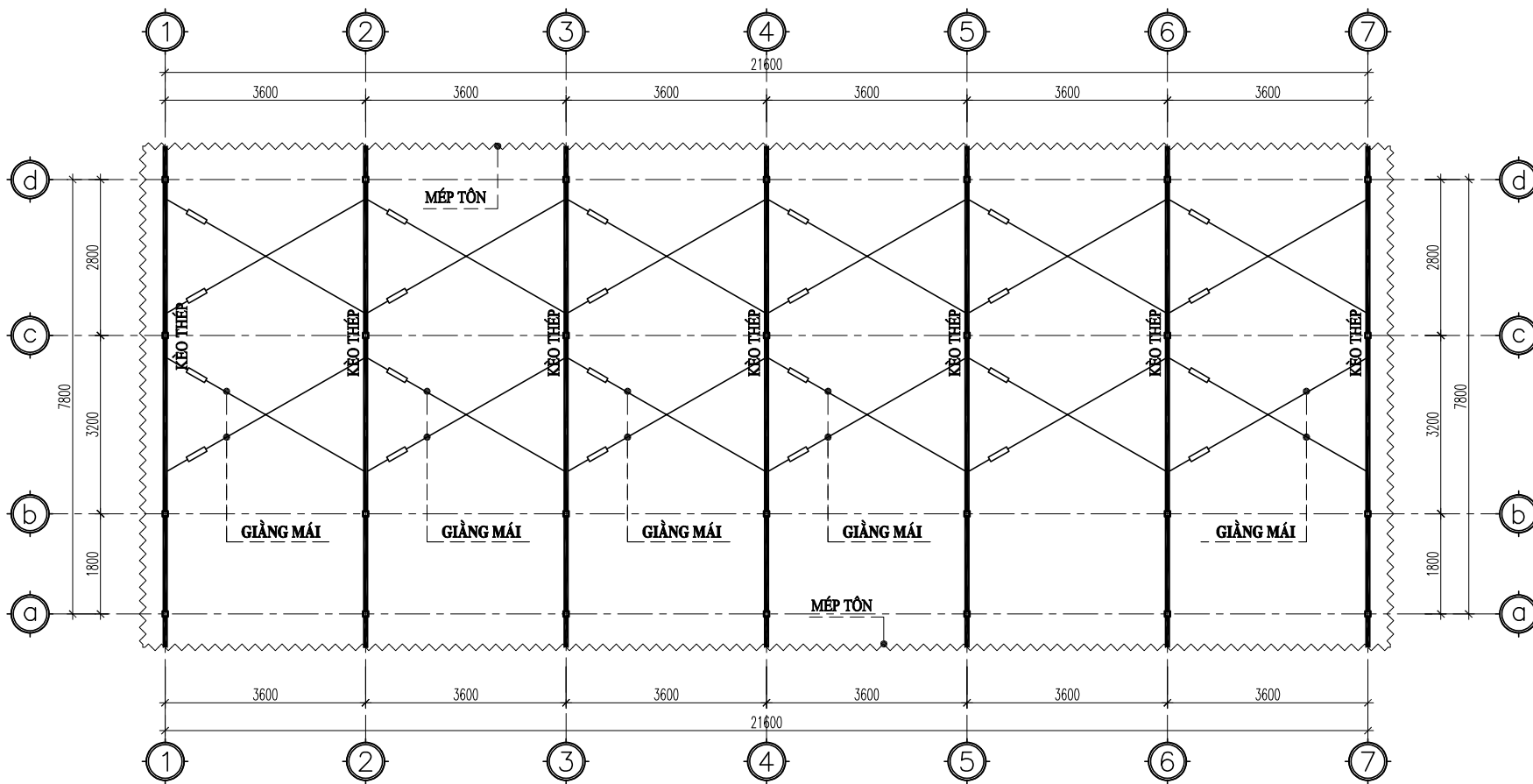


MẶT CẮT 2-2

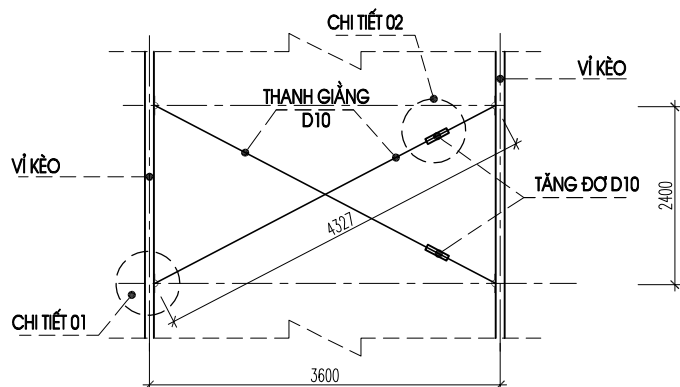


CHI TIẾT BẢN MÃ 3

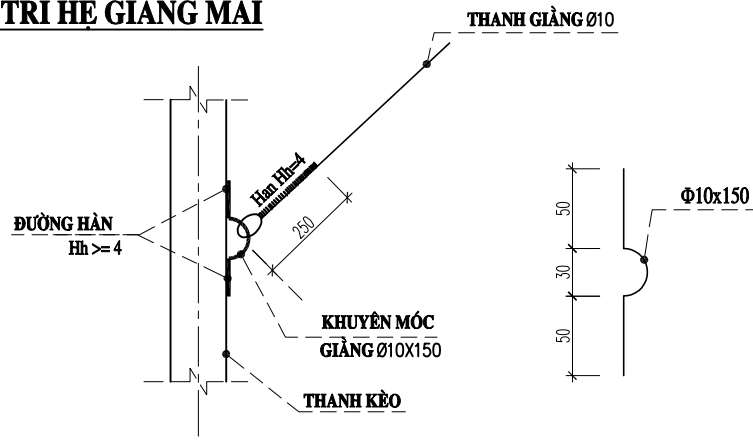
 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gaqh.xdsnla.gov.vn/ Email: ttgdcil&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TN: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KT&PTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	CHI TIẾT BỐ TRÍ KHUNG KÈO THÉP		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KC:04
				NĂM 2025	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ GIÀNG MÁI



CHI TIẾT THANH GIÀNG MÁI



CHI TIẾT 02

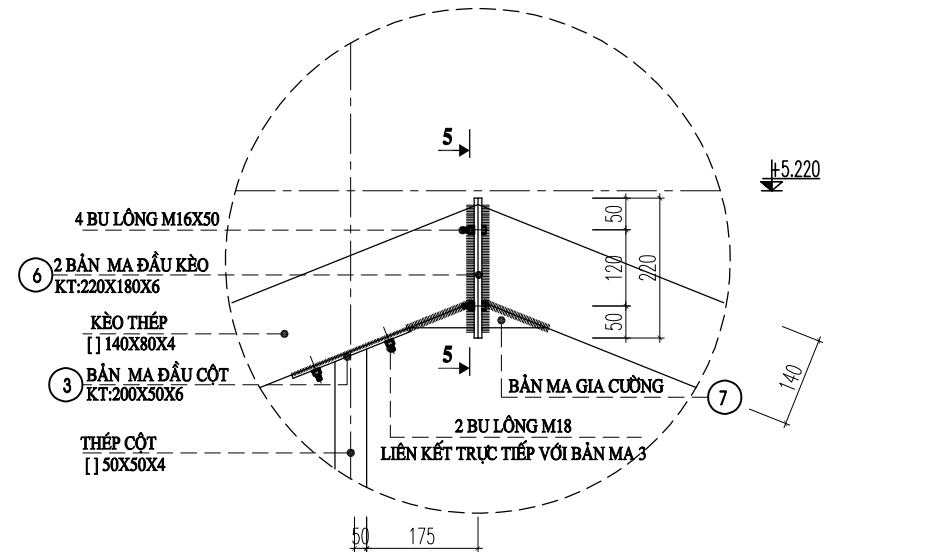
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU GIÀNG

STT	CHUNG LOẠI - KÍCH THƯỚC	C/DÀI (MM)	C/RỘNG (MM)	ĐỘ DÀY (MM)	TỔNG SỐ LƯỢNG (CÁI)	TỔNG (M2; M)
1	THANH GIÀNG D10	4327			24	103.8
2	KHUYẾN MÓC GIÀNG D10	150			48	7.2
3	TẮNG ĐƠ D14				24	

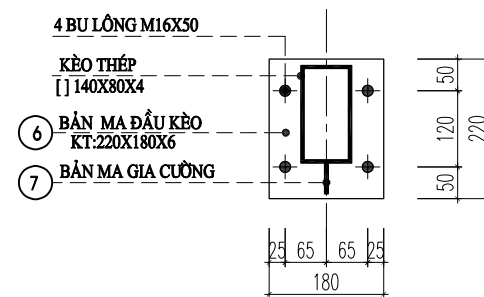
THANH GIÀNG Ø10

CHI TIẾT 01

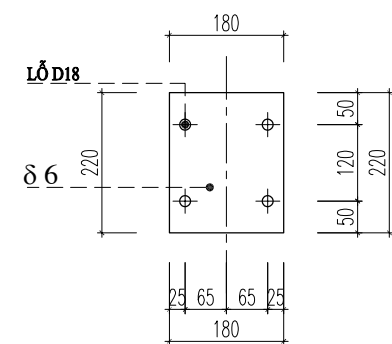
CHI TIẾT KHUYẾN MÓC



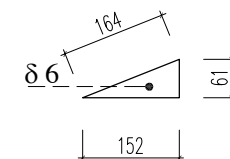
CHI TIẾT D



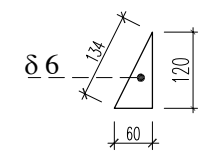
MẶT CẮT 5-5



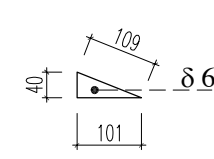
CHI TIẾT BẢN MÃ 6



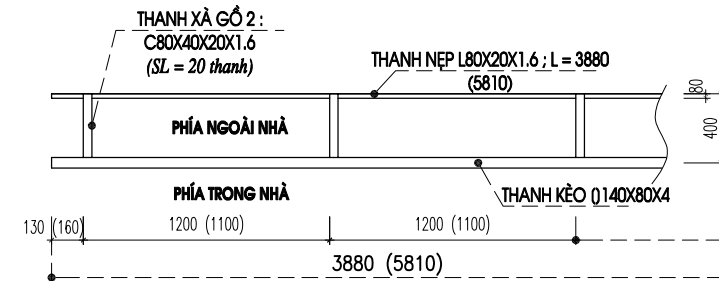
CHI TIẾT BẢN MÃ 4



CHI TIẾT BẢN MÃ 5

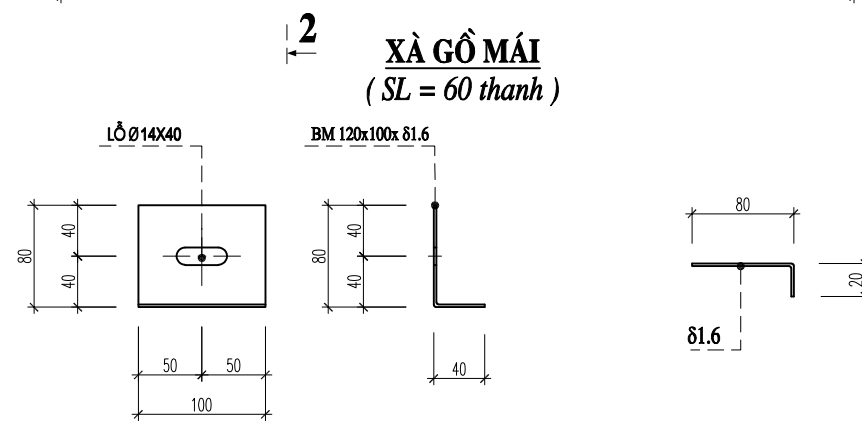
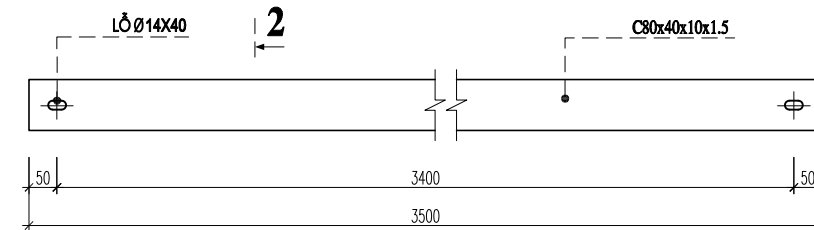
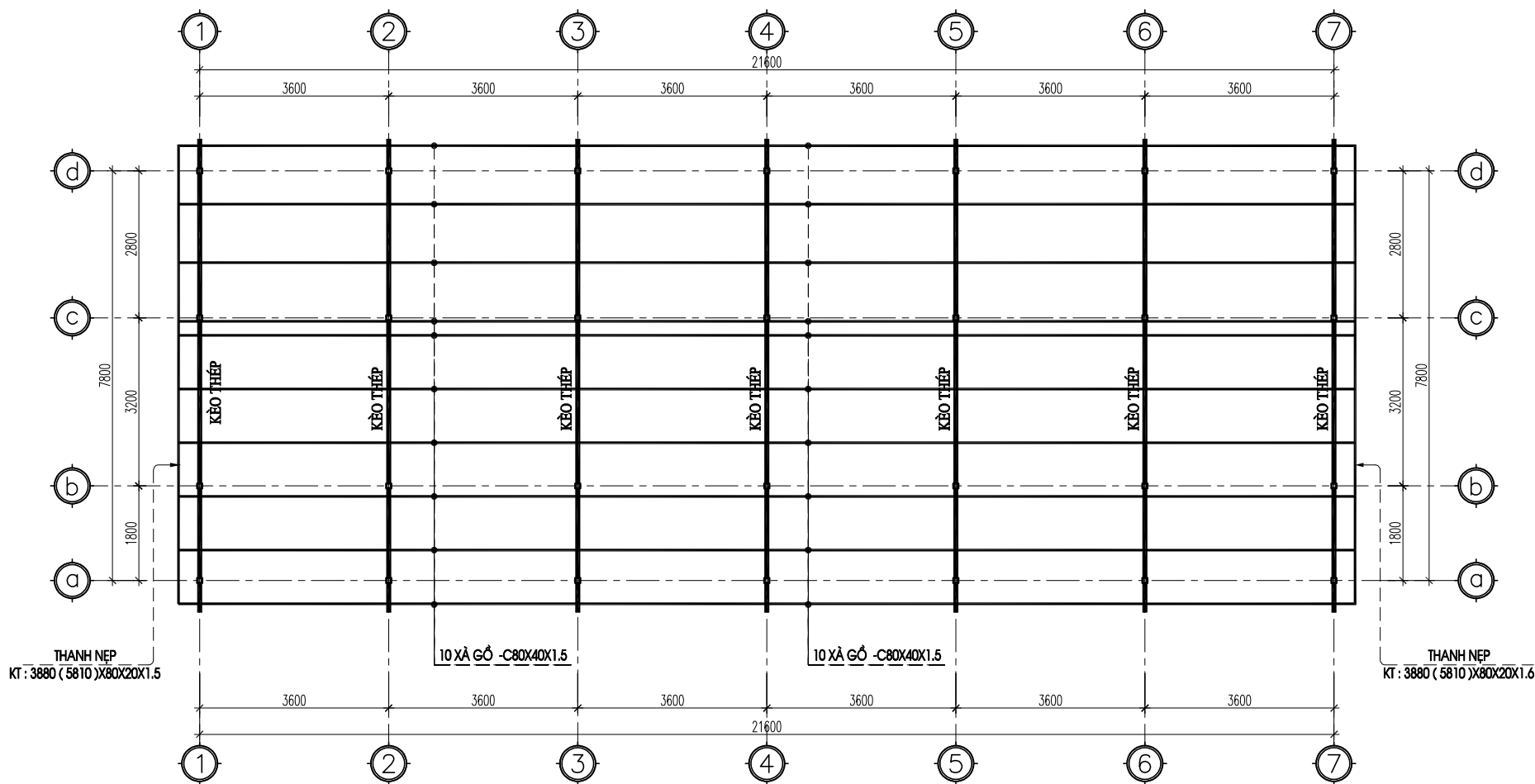


CHI TIẾT BẢN MÃ 7



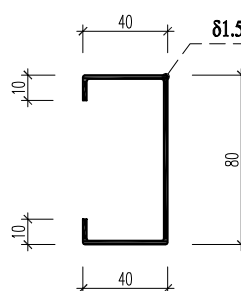
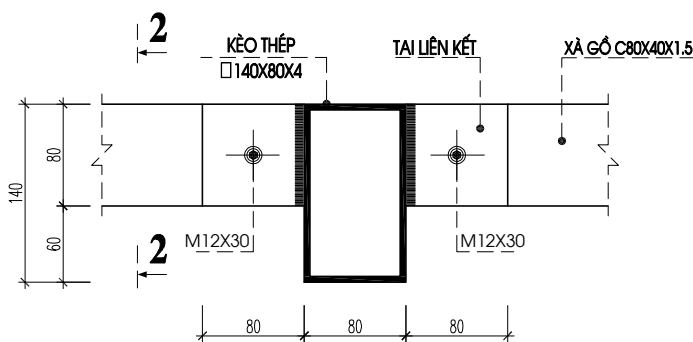
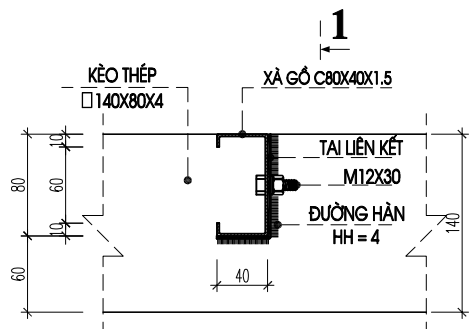
KẾT CẤU THANH KẸO 2 ĐẦU HỒI

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://qldh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTHPDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHÉP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG BỐ TRÍ GIÀNG MÁI		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ			TỶ LỆ: 1/100	T.K.M NĂM 2025	KC:05



CHI TIẾT THANH NÉP ĐẦU HỖI

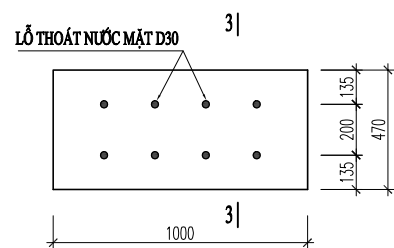
MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỖ MÁI



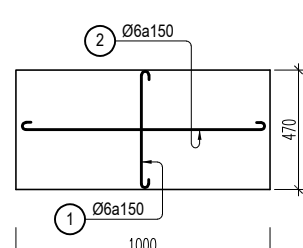
CHI TIẾT LIÊN KẾT XÀ GỖ VÀ VÌ KÈO

MẶT CẮT 1-1

MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



THUYẾT MINH:
- HAI ĐẦU HỖI NHÀ MÁI LỘP VƯỢT RA 400MM TÍNH TỪ TİM CỦA THANH KÈO. CÁC THANH XÀ GỖ 375MM ĐƯỢC HẸN VÀO THANH KÈO, PHÍA ĐẦU NGOÀI THANH XÀ GỖ ĐƯỢC LIÊN KẾT BẰNG THANH NÉP THÉP ĐẬP L80X20X1.6. TẤT CẢ ĐƯỢC HẸN CHẮC CHẴN TẠI XƯỞNG SẢN XUẤT.

CHI TIẾT TAI BẮT ĐẦU XÀ GỖ (SL = 140 CÁI)

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP LIÊN KẾT XÀ GỖ MÁI						
STT	CHUNG LOẠI - KÍCH THƯỚC	C/DÀI (MM)	C/RỘNG (MM)	ĐỘ DÀY (MM)	TỔNG SỐ LƯỢNG (CÁI)	TỔNG (M2; M)
1	XÀ GỖ C80X40X1.5	3500			60	210
2	XÀ GỖ C80X40X1.5	375			20	7,5
3	THANH NÉP 2 ĐẦU HỖI (3880+5810)	9690	100	1.6	2	19,38
4	TẠI LIÊN KẾT XÀ GỖ	120	100	1.6	140	
5	BULÔNG M12X30				140	

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP RĂNG THOÁT NƯỚC (THÔNG KÊ CHO 70 CẤU KIỆN NẮP)							
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DÁNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)
					1 CK	T.BỘ	
NẮP RĂNG	1	50 420 50	6	520	7	490	514.5
	2	50 950 50	6	1050	3	210	109.2

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdccl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; L&S-XD 005; 0212 3751 137; QH, K&P-TĐT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; Q&DA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÀ GỖ MÁI		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN			
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M NĂM 2025	KC:06

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU KHUNG THÉP

TÊN CK	SỐ TT	MÃ HIỆU	CHUNG LOẠI - KÍCH THƯỚC	C/DÀI (MM)	C/RỘNG (MM)	ĐỘ DÀY (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG (M2: M)
							1 CK	T/BỘ	
CỘT C1 (SL: 14 CỘT)	1		CỘT THÉP Ø 100X100X4	3816		4	1	14	53.42
	2	2	BẢN MÃ CHÂN CỘT VÀ ĐẦU CỘT	200	200	6	2	28	1.12
	3		BM LIÊN KẾT GIẪNG ĐẦU CỘT VÀ CHÂN CỘT	80	70	3	6	78	0.44
	4		BU LÔNG M12X30 (BỘ)				4	78	
CỘT C2 (SL: 7 CỘT)	1		CỘT THÉP Ø 50X50X3	4985		3	1	7	34.8
	2	3	BẢN MÃ CHÂN CỘT VÀ ĐẦU CỘT	200	50	6	2	14	0.14
	3		BM LIÊN KẾT GIẪNG ĐẦU CỘT VÀ CHÂN CỘT	80	50	3	4	28	0.112
	4		BU LÔNG M12X30 (BỘ)				2	2	
CỘT C3 (SL: 07 CỘT)	1		CỘT THÉP Ø 100X100X4	3096		4	1	7	21.6
	2	2	BẢN MÃ CHÂN CỘT VÀ ĐẦU CỘT	200	200	6	2	14	0.56
	3		BM LIÊN KẾT GIẪNG ĐẦU CỘT VÀ CHÂN CỘT	80	70	3		2	0.0112
	4		BU LÔNG M12X30 (BỘ)				4	08	
VÍ KÈO (SL: 7 VÍ)	1		THANH KÈO THÉP HỘP Ø140X80X4	3880		4	1	7	27.1
	2		THANH KÈO THÉP HỘP Ø140X80X4	5810		4	1	7	40.6
	3		BẢN MÃ LIÊN KẾT CÁNH KÈO VỚI ĐỈNH CỘT	200	200	6	3	21	0.84
	4		THANH NỆP C30X30X10X10X1.6 THEO KÈO (TỪ TRỤC B-D)	6290			2	14	88.06
	5		THANH NỆP C30X30X10X10X1.6 THEO KÈO (ĐOẠN KÈO HỒI)	1800			2	4	7.20
	6	4	BẢN MÃ LIÊN KẾT GÓT KÈO - THANH KÈO -152X61X164X6			6	6	42	1.93
	7	5	BẢN MÃ TĂNG CƯỜNG GÓT KÈO -120X60X134X6			6	6	42	1.5
	8	6	BẢN MÃ ĐẦU KÈO	220	180	6	2	14	0.55
	9	7	BẢN MÃ TĂNG CƯỜNG ĐẦU KÈO -101X40X109X6			6	2	14	0.28
	10		BU LÔNG M 16X50 (BỘ)				16	112	
	11		BU LÔNG M 12X30 (BỘ)					190	
GIẪNG CHÂN CỘT- ĐẦU CỘT	1		THANH GIẪNG C70X40X10X10X1.6 DÀI : L =3500	3500	190	1.6		18	63.0
	2		THANH GIẪNG C70X40X10X1.6 DÀI : L = 2540	2540	190	1.6		06	15.24
	3		THANH GIẪNG C70X40X10X1.6 DÀI : L = 2725	2725	190	1.6		21	57.3
	4		THANH GIẪNG C70X40X10X1.6 DÀI : L = 3125	3125	190	1.6		21	65.7
	5		THANH GIẪNG C70X40X10X1.6 DÀI : L = 1700	1700	190	1.6		02	3.4

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU KHUNG THÉP

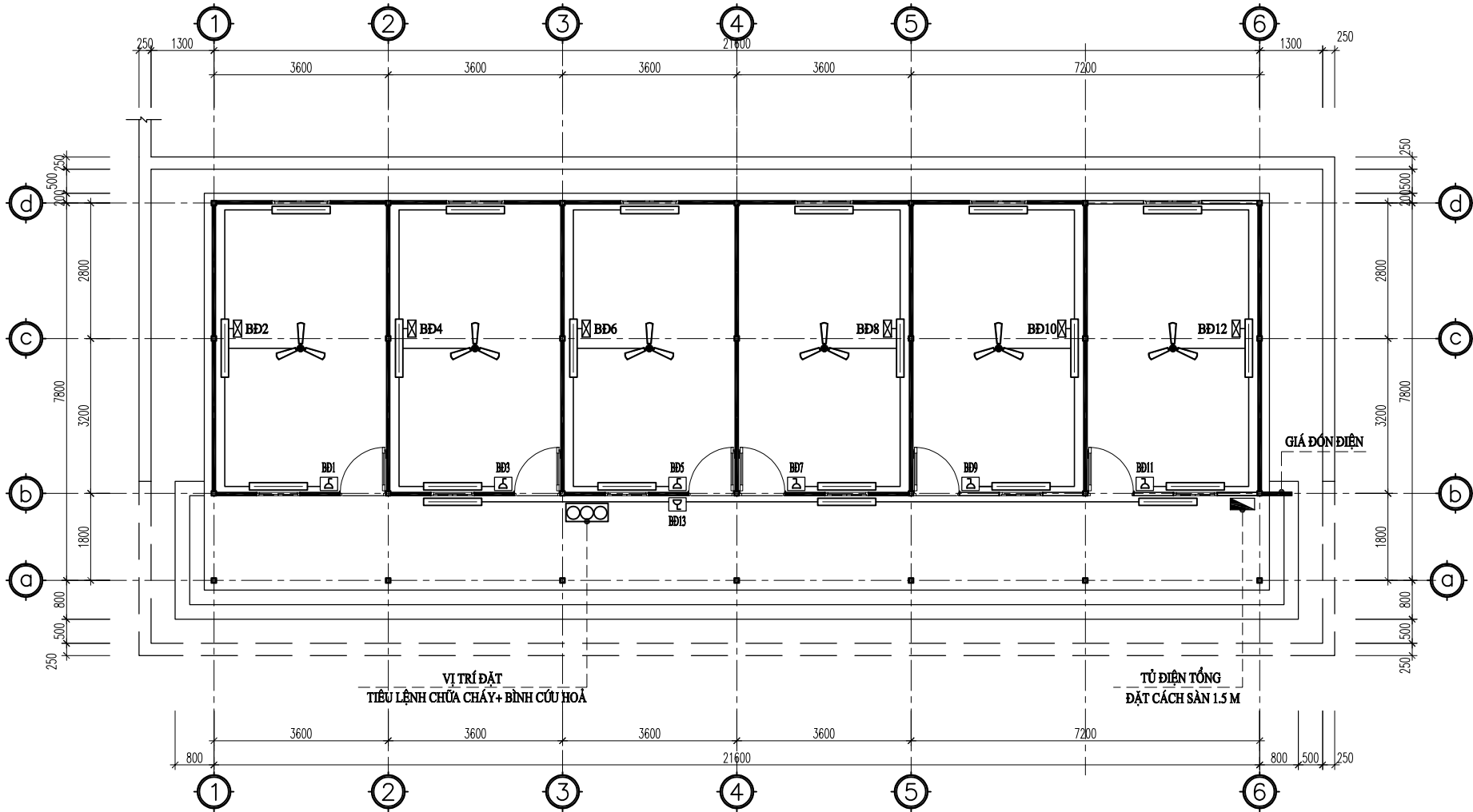
TÊN CK		CHUNG LOẠI - KÍCH THƯỚC	C/DÀI (MM)	C/RỘNG (MM)	ĐỘ DÀY (MM)	TỔNG SỐ LƯỢNG	TỔNG (M2: M)
THANH NỆP THEO CỘT C1, CỘT C2		THANH NỆP C30X30X10X10X1.6 THEO CỘT C1	3510	80	1.6	64	224.64
		THANH NỆP THÉP TÂM 150X1.6 THEO CỘT C2	4720	150	1.6	14	66.0
NỆP KHUÔN CỬA ĐI - CỬA SỐ	CỬA SỐ S1	THANH NỆP C30X30X10X10X1.6	1056	80	1.6	12	12.67
		THANH NỆP C50X30X10X10X1.6	1056	100	1.6	12	12.6
		THANH NỆP C30X30X10X10X1.6	630	80	1.6	12	7.56
		THANH NỆP C50X30X10X10X1.6	630	100	1.6	12	7.56
	CỬA SỐ S2	THANH NỆP C30X30X10X10X1.6	1056	80	1.6	12	12.67
		THANH NỆP C50X30X10X10X1.6	1056	100	1.6	12	12.67
		THANH NỆP C30X30X10X10X1.6	630	80	1.6	12	7.56
		THANH NỆP C50X30X10X10X1.6	630	100	1.6	12	7.56
	CỬA ĐI ĐI	THANH NỆP C30X30X10X10X1.6	1056	80	1.6	12	12.67
		THANH NỆP C50X30X10X10X1.6	1056	100	1.6	12	12.67
		BẢN MÃ CHÂN CỬA (BẢN MÃ SỐ 1)	110	90	6	12	0.11
		VÍT NỖ CHÂN CỬA D14				12	
	ĐỂ MÓNG		BM MÓNG CỘT C1, C3	200	200	6	21
		BM MÓNG CỘT C-2	200	50	6	7	0.07
		BU LÔNG D16 , L= 350				112	

BẢNG THỐNG KÊ CỬA TOÀN NHÀ

KÝ HIỆU	LOẠI CỬA	SỐ LƯỢNG (C.K)
Đ1	CỬA ĐI 1 CÁNH - CỬA THÉP ĐỊNH HÌNH PANO KÍNH TRẮNG	06
S1	CỬA SỐ 2 CÁNH - CỬA THÉP ĐỊNH HÌNH PANO KÍNH TRẮNG	06
S2	CỬA SỐ 2 CÁNH - CỬA THÉP ĐỊNH HÌNH PANO KÍNH TRẮNG	06

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl@qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 005; 0212 3751 137; QH, KTBPTD: 0212 3753 896; KT-KT: 0212 3753 896; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866	SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02					
	GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	BẢNG THỐNG KÊ		
	QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
	CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG			
	Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
	CHỦ NHIỆM DỰ ÁN					
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	KC:07	
				NĂM 2025		

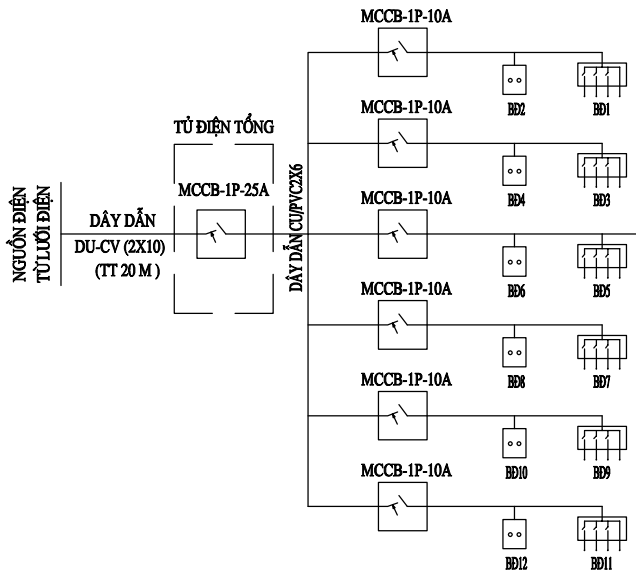
PHẦN CẤP ĐIỆN



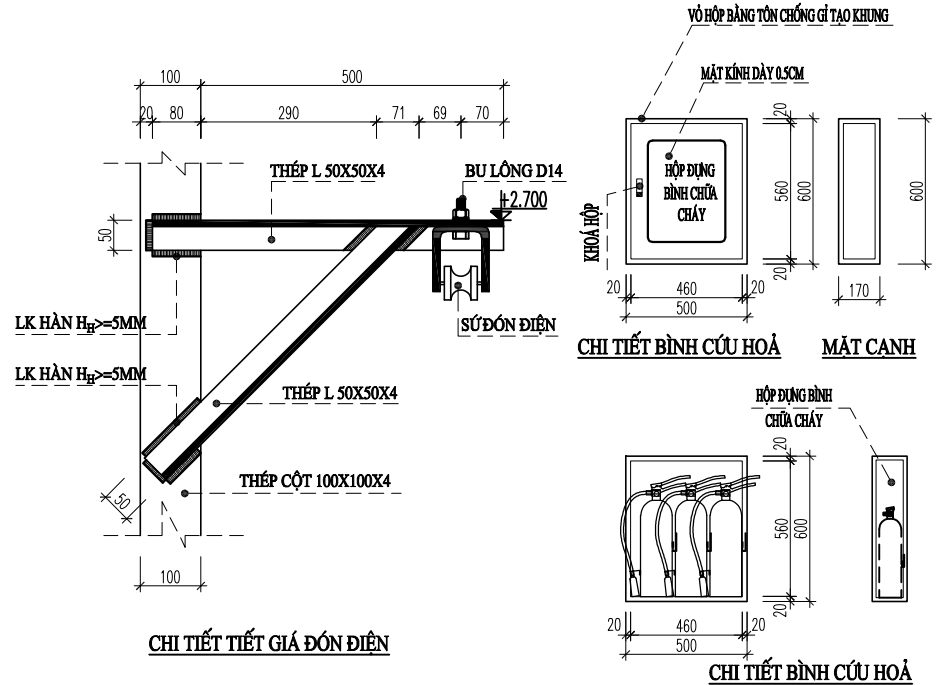
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐIỆN

	STT	TÊN VẬT LIỆU	S.L 1 C.K	Đ.V	GHI CHÚ
TỦ ĐIỆN TỔNG	1	ĐỂ NỐI APTOMAT	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	2	MẶT APTOMAT	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	3	APTOMAT 25A	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
BD 1, BD3, BD5, BD7, BD9, BD11	1	ĐỂ NỐI APTOMAT	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	2	MẶT APTOMAT	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	3	APTOMAT 10A	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	4	ĐỂ NỐI BẢNG ĐIỆN	3	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	5	MẶT 3 LỖ	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	6	MẶT 1 Ổ	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	7	HẠT CÔNG TẮC	3	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	8	Ổ CẮM ĐƠN	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	9	CHIẾU ÁT QUẠT	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
BD 2, BD 4, BD 6, BD 8, BD 10, BD 12	1	ĐỂ NỐI BẢNG ĐIỆN	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	2	MẶT 1 Ổ	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	3	Ổ CẮM ĐÔI	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
BD 13	1	ĐỂ NỐI BẢNG ĐIỆN	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	2	MẶT 2 LỖ	1	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M
	3	HẠT CÔNG TẮC	2	CÁI	CÁCH SÀN 1.5 M

STT	TÊN VẬT LIỆU	Đ.V	SỐ LƯỢNG
1	DÂY NGOÀI TRỜI DU-CV (2X10)	M	TT 20
2	DÂY DẪN CU/PVC 2X6	M	70
3	DÂY DẪN CU/PVC2X1.5	M	130
4	DÂY DẪN CU/PVC2X2.5	M	35
5	GEN HỘP	M	150
6	ĐỂ NỐI	CÁI	30
7	APTOMAT 25A	CÁI	1
8	APTOMAT 10A	CÁI	6
9	MẶT APTOMAT	CÁI	7
10	Ổ CẮM ĐƠN	CÁI	6
11	Ổ CẮM ĐÔI	CÁI	6
12	MẶT 3 LỖ	CÁI	6
13	MẶT 1 Ổ	CÁI	6
14	MẶT 2 LỖ	CÁI	1
15	BÓNG ĐÈN TUYẾT ĐƠN 1,2M - 40W	CÁI	21
16	QUẠT TRẦN 100W	CÁI	6
18	TỦ ĐIỆN TỔNG	CÁI	1
20	TÊU LỆNH CHỮA CHÁY	CÁI	1
21	HỘP ĐUNG BÌNH CHỮA CHÁY	CÁI	1
22	BÌNH CHỮA CHÁY	BÌNH	3
22	HẠT CÔNG TẮC	CÁI	20
23	CHIẾU ÁT QUẠT	CÁI	06



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP ĐIỆN



- KHI LẮP ĐẶT CHÚ Ý CÂN BẰNG PHA.
- DÂY DẪN ĐI TRÊN TƯỜNG, TRẦN NHÀ PHẢI CÓ GHEN MỀM BẢO VỆ.
- KHÔNG NỐI DÂY TRÊN TƯỜNG, NẾU NỐI PHẢI HÀN BẰNG THIẾC
- CÁCH DÂY DẪN ĐẾN BẢNG ĐIỆN (BD) ĐI LOẠI CU/PVC2X4 MM2. NỐI ĐẾN TỪNG THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG LOẠI CU/PVC 2X1.5 MM2. NỐI ĐẾN Ổ CẮM VÀ QUẠT LOẠI CU/PVC 2X2 MM2.
- TẤT CẢ CÁC BẢNG ĐIỆN ĐẶT CÁCH NỀN 1.5M.
- BÓNG ĐÈN CHIẾU SÁNG ĐƯỢC ĐẶT ỚP TRÊN TƯỜNG COS +2.700

CHÚ THÍCH:

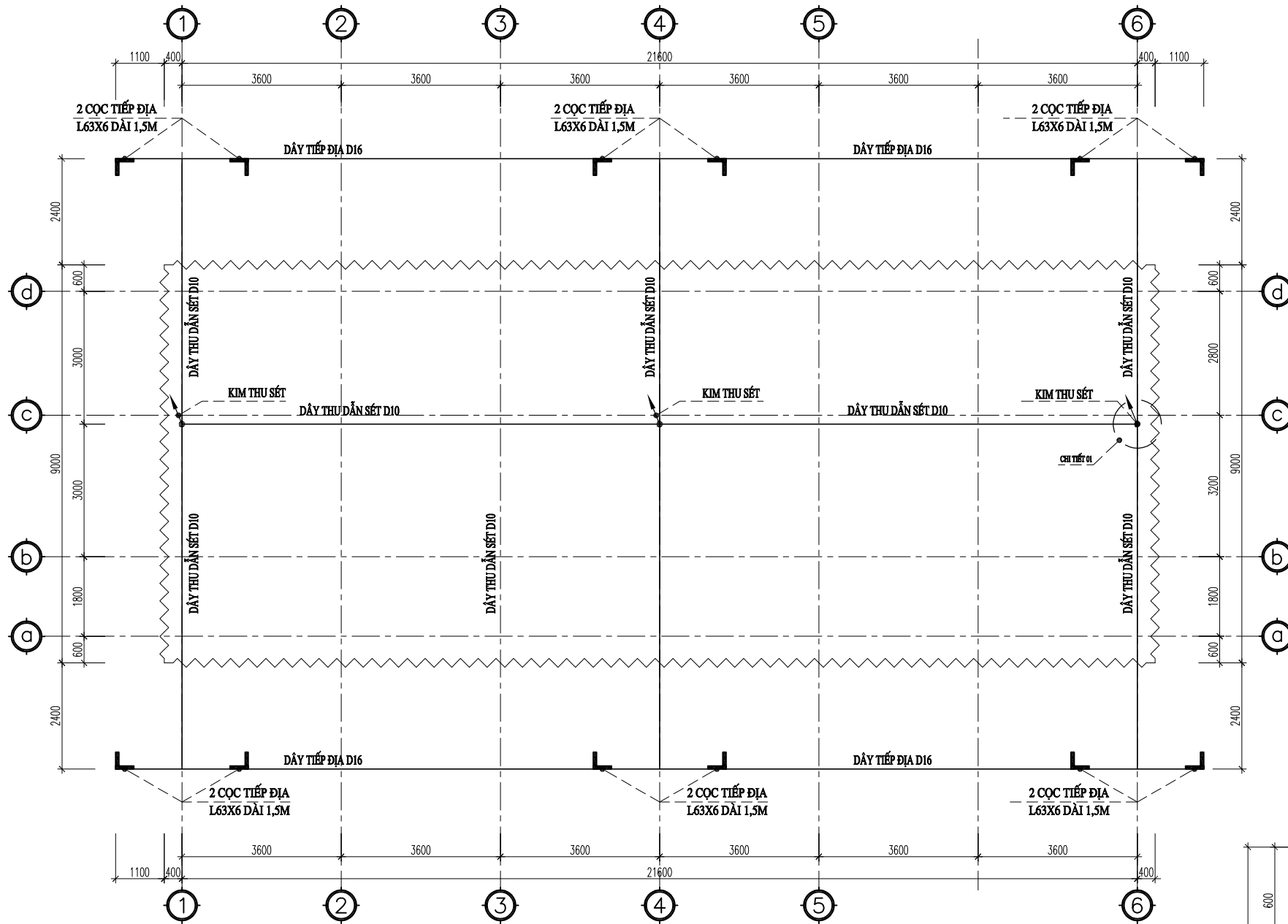
- BỘ ĐÈN HUỖNH QUANG ĐƠN 1.2M, 40W/220V TRONG HỘP KÍN COS +2.900
- QUẠT TRẦN SÀI CÁCH 1,2M-100W
- BẢNG ĐIỆN ĐẶT CÁCH SÀN 1.5M (1 Ổ CẮM ĐƠN 300W + CÔNG TẮC ĐÈN, QUẠT)
- Ổ CẮM ĐÔI 600W
- TỦ ĐIỆN TỔNG

GHI CHÚ

- DIỆN CÁC PHÒNG ĐƯỢC CẤP TỪ TỦ ĐIỆN TỔNG THEO TRỰC CHÍNH ĐẾN CÁC PHÒNG
- TẤT CẢ CÁC TỦ ĐIỆN VÀ CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC NỐI VỚI HỆ TIẾP ĐỊA CHUNG

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gaqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgacd@qhxd.sonla.gov.vn HC-TN: 0212 3752 949; LAS-XD 005: 0212 3751 137; QH, KTMPTD: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIẾN	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	Đ:01
THIẾT KẾ				NĂM 2025	

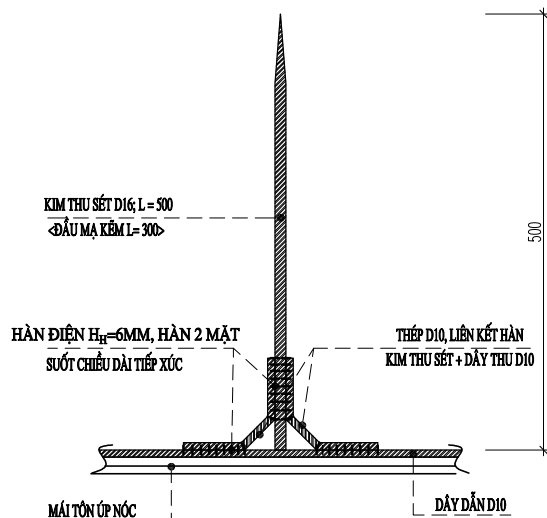
PHẦN THU SÉT



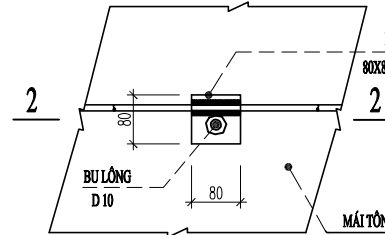
MẶT BẰNG CHỐNG SÉT

GHI CHÚ:

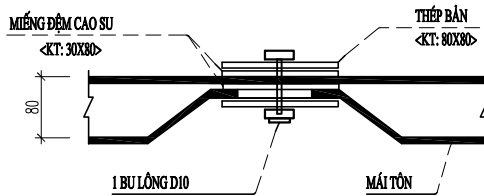
- * TOÀN BỘ CÁC MỐI NỐI TRONG CÔNG TRÌNH ĐỀU ĐƯỢC HÀN ĐIỆN, HH = 5 MM. BỘ PHẬN TIẾP ĐỊA KHÔNG ĐƯỢC SƠN CHỐNG GỈ, QUÉT HẮC ỈN, BÔI NHỰA ĐƯỜNG.
- * CỘT TIẾP ĐỊA ĐƯỢC ĐẶT CÁC CÔNG TRÌNH 3 MÉT, KHOẢNG CÁCH GIỮA 2 CỘT TIẾP ĐỊA LIÊN KẾT L = 3 MÉT. CỘT TIẾP ĐƯỢC CHÔN SÂU 0,6 MÉT SO VỚI CỐT SÀN.
- * ĐIỆN TRỞ CỦA BỘ PHẬN TIẾP ĐỊA <= 10 W.
- * MỐI NỐI CỦA KIM THU SÉT VỚI DÂY THU VÀ MÁI GIỐNG NHƯ CHI TIẾT: 01, ĐẢM BẢO SAO CHO TOÀN BỘ HỆ THỐNG THU SÉT ĐƯỢC CÁCH ĐIỆN HOÀN TOÀN VỚI KẾT CẤU KHUNG THÉP CỦA CÔNG TRÌNH.
- * LƯU Ý: KHI LẮP ĐẶT TRÁNH VA CHẠM MẠNH ĐỂ KHÔNG LÀM BÔNG CÁC MỐI HÀN CỦA CÁC MỐI NỐI GIỮA DÂY TIẾP ĐỊA VÀ CỘT THU SÉT, CÁC BẬC THÉP CÓ LỚP CAO SU CÁCH ĐIỆN VỚI KHUNG THÉP VÀ PHẢI ĐƯỢC SƠN CÁCH ĐIỆN.



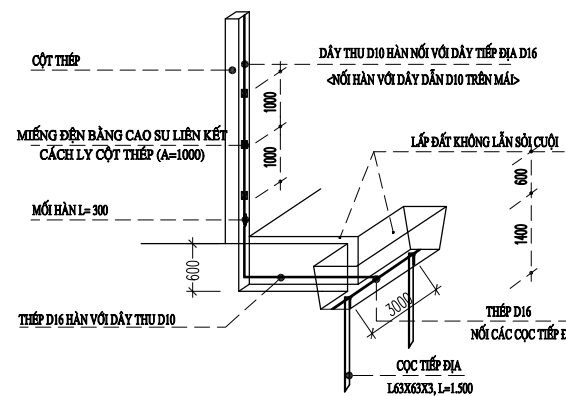
CHI TIẾT 01
<LIÊN KẾT KIM THU SÉT + MÁI TÔN>



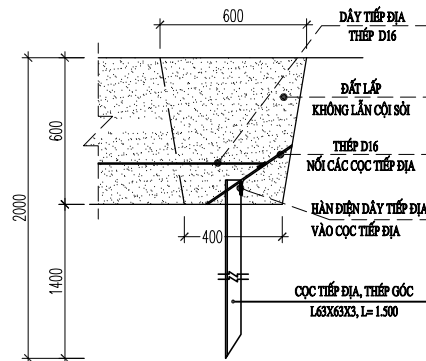
CHI TIẾT LIÊN KẾT MÁI TÔN VỚI DÂY THU SÉT TRÊN MÁI
<A=1.000>



MẶT CẮT 2-2



CHI TIẾT TIẾP ĐỊA CHỐNG SÉT



CHI TIẾT CẮT NGANG HỖ CHÔN CỘT TIẾP ĐỊA CHỐNG SÉT

THỐNG KÊ VẬT LIỆU THU SÉT

STT	TÊN VẬT LIỆU	ĐV	SL
1	KIM THU SÉT D16 L=500 MM MẠ KẼM	CÁI	3
2	DÂY DẪN + DÂY THU D10 MẠ KẼM	M	37,5
3	DÂY TIẾP ĐỊA D16	M	60
4	CỘT TIẾP ĐỊA THÉP GÓC 63X63X3 MM, L=1500 MM	CÁI	12
5	QUẢ HỒ LỖ MÀU ĐỎ	M	3
6	THÉP DỆT 80X80	CÁI	50
7	CHÌ LÁ ĐỆM 30X80	CÁI	50
8	BU LÔNG D10	CÁI	50

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Chiềng Lề, TP Sơn La, tỉnh Sơn La Website: https://gaqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgacd@qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAQ-XD 005: 0212 3751 137; QH, KINHDI: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QIDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LƯU TRÚ, CÔNG VỤ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHEP) - MẪU LT-02		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG THU SÉT MÁI		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	TS:01
THIẾT KẾ		KS. NGÔ QUANG TUẤN		NĂM 2025	



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: tgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 37500 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: **SỞ XÂY DỰNG SƠN LA**

DỰ ÁN: **LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

HẠNG MỤC: **MẪU NHÀ LẮP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)**

ĐỊA ĐIỂM XD: **TỈNH SƠN LA**

Sơn La, ngày ... tháng 7 năm 2025



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 37500 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: **SỞ XÂY DỰNG SƠN LA**

DỰ ÁN: **LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

HẠNG MỤC: **MẪU NHÀ LẮP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)**

ĐỊA ĐIỂM XD: **TỈNH SƠN LA**

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Kiên

Sơn La, ngày ... tháng 7 năm 2025



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 37500 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: **SỞ XÂY DỰNG SƠN LA**

DỰ ÁN: **LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

HẠNG MỤC: **MẪU NHÀ LẮP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)**

ĐỊA ĐIỂM XD: **TỈNH SƠN LA**

GIÁ TRỊ DỰ TOÁN: **718.414.000,0** Đồng

(Bằng chữ: Bảy trăm mười tám triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng chẵn)

Trong đó: Chi phí xây dựng: **718.414.000,0** đồng

LẬP DỰ TOÁN

CHỦ TRÌ

TRƯỞNG PHÒNG

Sơn La, ngày .. tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Anh

Hoàng Thị Sinh

Đặng Văn Thắng

Nguyễn Trung Kiên

Chứng chỉ hành nghề số: SOL-00110815

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

DỰ ÁN : LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LẮP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí Vật liệu</i>	<i>VL</i>	A	470.663.251,3
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	368.345.146,2
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	102.318.105,1
	Cộng	A	A1 + CL	470.663.251,3
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	<i>NC</i>	B	123.365.726,6
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	117.725.099,1
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	5.640.627,4
	Cộng	B	B1 + CLNC	123.365.726,6
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	<i>M</i>	C	20.002.499,4
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	19.443.175,5
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	559.323,9
	Cộng	C	C1 + CLMay	20.002.499,4
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	614.031.477,2
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 7,3%	44.824.297,8
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1,1%	6.754.346,2
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2,5%	15.350.786,9
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	66.929.431,
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 5,5%	37.452.850,
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	718.413.758
IV	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	718.413.758,
	LÀM TRÒN			718.414.000,
<i>Bảng chữ: Bảy trăm mười tám triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.</i>				

BẢNG DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

DỰ ÁN : LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LẤP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	HM	MẪU NHÀ LẤP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)								
	*	PHẦN MÓNG								
1	AB.11413	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra, rộng <=1 m, sâu <=1 m, đất cấp III	m3	10,4832		382.250,		0,	4.007.203,2	0,
		MC1 : $21*0,6*0,6*0,6 = 4,536$								
		MC2 : $7*0,6*0,6*0,6 = 1,512$								
		Móng bó nền								
		$(21,6+7,8)*2*0,42*0,22 = 5,4331$								
		Trừ móng cột chiếm chỗ:								
		$-18*0,6*0,42*0,22 = -0,9979$								
2	AF.11111	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông lót móng, đá 4x6, chiều rộng <=250 cm, mác 100	m3	3,024	762.795,	256.363,	55.653,	2.306.692,1	775.241,7	168.294,7
		MC1 : $21*0,6*0,6*0,1 = 0,756$								
		MC2 : $7*0,6*0,6*0,1 = 0,252$								
		Móng bó nền								
		$(21,6+7,8)*2*0,42*0,1 = 2,4696$								
		Trừ móng cột chiếm chỗ:								
		$-18*0,6*0,42*0,1 = -0,4536$								
3	AF.81122	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, móng cột, móng vuông, chữ nhật	100m2	0,4256	5.700.743,	7.781.400,		2.426.236,2	3.311.763,8	0,
		MC1 : $21*0,4*4*0,95/100 = 0,3192$								
		MC2 : $7*0,4*4*0,95/100 = 0,1064$								

4	AF.11213	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông móng, đá 1x2, chiều rộng ≤ 250 cm, mác 200	m3	4,256	913.757,	294.698,	56.007,	3.888.949,8	1.254.234,7	238.365,8
		MC1 : $21*0,4*0,4*0,95 = 3,192$								
		MC2 : $7*0,4*0,4*0,95 = 1,064$								
5	TT	Bản mã dề móng	Kg	42,861	30.000,			1.285.830,	0,	0,
		$(0,84+0,07)*47,1 = 42,861$								
6	TT	Bu lông M 16X35	Cái	112,	15.000,			1.680.000,	0,	0,
7	AE.21112	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày ≤ 33 cm, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2, M50	m3	7,9464	828.047,	372.040,	10.490,	6.579.992,7	2.956.378,7	83.357,7
		Trục A & D : $2*(21,6-6*0,4)*0,22*0,7 = 5,9136$								
		Trục 1,&6 : $2*(7,8-3*0,4)*0,22*0,7 = 2,0328$								
8	AE.21112	Xây gạch không nung bậc tam cấp, chiều dày ≤ 33 cm, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2, M50	m3	3,7269	828.047,	372.040,	10.490,	3.086.048,4	1.386.555,9	39.095,2
		Tam cấp:								
		$28,4*0,6*0,15 = 2,556$								
		$26,02*0,3*0,15 = 1,1709$								
9	AB.65120	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,6632		1.245.329,	1.443.882,	0,	825.902,2	957.582,5
		$10,4832/3/100 = 0,0349$								
		Tôn nền:								
		$(21,6-0,04*2)*(7,8-2*0,04)*0,38/100 = 0,6313$								
		Trừ móng : $-5*0,4*0,4*0,38/100 = -0,003$								
10	AF.11333	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông nền, đá 4x6, mác 200	m3	20,4964	864.138,	285.114,	55.653,	17.711.718,1	5.843.810,6	1.140.686,1
		$(21,6-0,22)*(6-0,22)*0,1 = 12,3576$								
		$(21,6-0,22)*(1,8-0,22)*0,07 = 2,3646$								
		Trừ móng : $-5*0,4*0,4*0,1 = -0,08$								
		Via hè:								
		$(21,6+2*0,2+2*1,1)*0,5*0,1 = 1,21$								

		$(21,6+2*0,2+2*1,1)*(0,8+0,5-0,11)*0,1 = 2,8798$								
		$2*8,02*1,1*0,1 = 1,7644$								
11	AK.51280	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,36m^2$, vữa XM PCB30 M75	m2	159,9132	181.223,	39.817,	1.117,	28.979.949,8	6.367.263,9	178.623,
		$(21,6-6*0,11)*(7,8-0,11*2) = 158,7252$								
		Qua cửa: $6*0,9*0,22 = 1,188$								
12	AK.21113	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1cm, vữa XM PCB30 M75	m2	16,32	11.195,	57.640,	599,	182.702,4	940.684,8	9.775,7
		$(21,6+0,4+2*6)*0,48 = 16,32$								
13	AK.81130	Quét nước xi măng 2 nước	m2	16,32	1.614,	7.860,		26.340,5	128.275,2	0,
		$(21,6+0,4+2*6)*0,48 = 16,32$								
		* Rãnh thoát nước								
14	AB.11313	Đào móng băng, rộng ≤ 3 m, sâu ≤ 1 m, đất cấp III	m3	15,96		249.468,		0,	3.981.509,3	0,
		$70*0,57*0,4 = 15,96$								
15	AF.11111	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông lót móng, đá 4x6, chiều rộng ≤ 250 cm, mác 100	m3	3,99	762.795,	256.363,	55.653,	3.043.552,1	1.022.888,4	222.055,5
		$70*0,57*0,1 = 3,99$								
16	AE.21113	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày ≤ 33 cm, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2, M75	m3	3,542	858.894,	372.040,	10.490,	3.042.202,5	1.317.765,7	37.155,6
		$70*2*0,23*0,11 = 3,542$								
17	AK.42315	Láng mương cáp, máng rãnh, mương rãnh, dày 1,0 cm, vữa XM 100	m2	49,7	13.771,	33.560,	599,	684.418,7	1.667.932,	29.770,3
		$70*(0,25+2*0,23) = 49,7$								
18	AB.65120	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$	100m3	0,0532		1.245.329,	1.443.882,	0,	66.251,5	76.814,5
		$15,96/3/100 = 0,0532$								
19	AG.11413	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2, mác 200	m3	2,303	900.363,	462.413,	30.946,	2.073.536,	1.064.937,1	71.268,6
		$70*0,47*1*0,07 = 2,303$								

20	AG.13221	Sản xuất, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa con sơn	tấn	0,1385	15.397.100,	3.167.580,	982.183,	2.132.498,4	438.709,8	136.032,3
		ĐK6 : $(514,5+109,2)*0,222/1000 = 0,1385$								
21	AG.42115	Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 100\text{kg}$	1 cầu kiện	70,		31.147,		0,	2.180.290,	0,
	T*	Tổng: PHẦN MÓNG						79.130.668	39.537.598	3.388.878
	*	PHẦN THÂN								
22	AI.11131	Gia công cột bằng thép hình	tấn	1,158	17.801.004,	2.161.501,	1.420.770,	20.613.562,6	2.503.018,2	1.645.251,7
		Cột C1:								
		Thép hộp 100x100x4: $53,42*12,06/1000 = 0,6442$								
		Bản mã chân cột và đầu cột 200x200x6 : $1,12*47,1/1000 = 0,0528$								
		BM liên kết giằng đầu cột và chân cột : $0,44*23,55/1000 = 0,0104$								
		Cột C2:								
		Thép hộp 50x50x3 : $34,8*4,43/1000 = 0,1542$								
		Bản mã chân cột và đầu cột 200x50x6 : $0,14*47,1/1000 = 0,0066$								
		BM liên kết giằng đầu cột và chân cột : $0,112*23,55/1000 = 0,0026$								
		Cột C3								
		Thép hộp 100x100x4: $21,6*12,06/1000 = 0,2605$								
		Bản mã chân cột và đầu cột 200x200x6 : $0,56*47,1/1000 = 0,0264$								
		BM liên kết giằng đầu cột và chân cột : $0,0112*23,55/1000 = 0,0003$								
23	TT	Bu lông M 12x30	Cái	88,	10.000,			880.000,	0,	0,
		Cột C1: $78 = 78$								
		Cột C2: $2 = 2$								
		Cột C3: $8 = 8$								
24	AI.61111	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	1,158	263.141,	2.761.602,	1.531.917,	304.717,3	3.197.935,1	1.773.959,9

25	AI.11121	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ <= 9 m	tấn	1,2738	18.503.973,	8.461.138,	3.254.824,	23.570.360,8	10.777.797,6	4.145.994,8
		Thép hộp 140x80x4 : $(27,1+40,6)*13,31/1000 = 0,9011$								
		* Thanh nẹp C30x30x10x10x1,6 : $(88,6+7,2)*(0,03+0,03*2+0,01+0,01)*0,0016*7850/1000 = 0,1324$								
		Bản mã cánh kèo: $0,84*47,1/1000 = 0,0396$								
		Bản mã liên kết gót kết kèo- thanh kèo - $152x61x164x6 : 1,93*47,1 /1000 = 0,0909$								
		Bản mã tăng cường gót kết kèo - $120x60x134x6 : 1,5*47,1/1000 = 0,0707$								
		Bản mã đầu : $0,55*47,1/1000 = 0,0259$								
		Bản mã tăng cường đầu kết kèo - $101x40x109x60 : 0,28*47,1/1000 = 0,0132$								
26	AI.61121	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ <= 18 m	tấn	1,2738	318.120,	1.478.922,	1.369.917,	405.221,3	1.883.850,8	1.745.000,3
27	TT	Bu lông M 16X50	Cái	112,	15.000,			1.680.000,	0,	0,
28	TT	Bu lông M 12x30	Cái	190,	10.000,			1.900.000,	0,	0,
29	TT	Tăng đơ d18	Cái	24,	150.000,			3.600.000,	0,	0,
30	AI.11221	Sản xuất xà gỗ thép	tấn	0,4984	17.353.190,	1.598.373,		8.648.829,9	796.629,1	0,
		Thép C80x40x1,5 $:(210+7,5)*(0,077+0,04*2+0,01*2)*0,0015*7850/1000 = 0,4533$								
		Thanh xà gỗ hai đầu hồi : $19,38*(0,08+0,02-0,0016)*0,0016*7850/1000 = 0,024$								
		Tai liên kết xà gỗ : $0,12*140*0,1*7850*0,0016/1000 = 0,0211$								
31	AI.61131	Lắp dựng xà gỗ thép	tấn	0,4984	206.307,	776.434,	1.533.317,	102.823,4	386.974,7	764.205,2
32	TT	Bu lông M 12X30	Cái	140,	10.000,			1.400.000,	0,	0,
33	AI.11911	Sản xuất hệ khung dàn	tấn	1,1051	18.257.687,	5.654.031,	2.717.542,	20.176.569,9	6.248.269,7	3.003.155,7

		* Thanh giằng C70x40x10x1,6								
		$(63+15,24+57,3+65,7+3,4)*(0,07+0,04*2+0,01*2)*0,0016*7850/1000 = 0,4369$								
		* Thanh nẹp C30x30x10x10x1,6 theo cột C1:								
		$224,64*(0,03+0,03*2+0,01+0,01)*0,0016*7850/1000 = 0,3104$								
		* Thanh nẹp thép tấm 150x1,6 theo cột C2:								
		$66*0,15*0,0016*7850/1000 = 0,1243$								
		Thanh giằng kèo								
		Thép tròn d10 : $103,8*0,617/1000 = 0,064$								
		Khuyên móc : $7,2*0,617/1000 = 0,0044$								
		Nẹp cửa:								
		Đ1 :								
		C30x30x10x10x1,6:								
		$12,67*(0,03+0,03*2+0,01*2)*0,0016*7850/1000 = 0,0175$								
		C50x30x10x10x1,6:								
		$12,67*(0,05+0,03*2+0,01*2)*0,0016*7850/1000 = 0,0207$								
		BM: $0,11*47,1/1000 = 0,0052$								
		S1 :								
		C30x30x10x10x1,6:								
		$(12,67+7,56)*(0,03+0,03*2+0,01*2)*0,0016*7850/1000 = 0,0279$								
		C50x30x10x10x1,6:								
		$(12,6+7,56)*(0,05+0,03*2+0,01*2)*0,0016*7850/1000 = 0,0329$								
		S2 :								
		C30x30x10x10x1,6:								
		$(12,67+7,56)*(0,03+0,03*2+0,01*2)*0,0016*7850/1000 = 0,0279$								

		C50x30x10x10x1,6: $(12,67+7,56)*(0,05+0,03*2+0,01*2)*0,016*7850/1000 = 0,033$								
34	AI.61142	Lắp dựng giằng thép liên kết bằng bu lông	tân	1,1051	404.000,	679.735,	1.952.035,	446.460,4	751.175,1	2.157.193,9
35	TT	Bu lông M 12X30	Cái	87,	10.000,			870.000,	0,	0,
36	TT	Vít nở D14	Cái	12,	1.000,			12.000,	0,	0,
37	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	337,0844	22.556,	24.628,		7.603.275,7	8.301.714,6	0,
		Cột C1:								
		Thép hộp 100x100x4: $53,42*0,4 = 21,368$								
		Bản mã chân cột và đầu cột 200x200x6 : $1,12*2 = 2,24$								
		BM liên kết giằng đầu cột và chân cột : $0,44*2 = 0,88$								
		Cột C2:								
		Thép hộp 50x50x3 : $34,8*0,2 = 6,96$								
		Bản mã chân cột và đầu cột 200x50x6 : $0,14*2 = 0,28$								
		BM liên kết giằng đầu cột và chân cột : $0,112*2 = 0,224$								
		Cột C3								
		Thép hộp 100x100x4: $21,6*0,4 = 8,64$								
		Bản mã chân cột và đầu cột 200x200x6 : $0,56*2 = 1,12$								
		BM liên kết giằng đầu cột và chân cột : $0,0112*2 = 0,0224$								
		Vì kèo								
		Thép hộp 140x80x4 : $(27,1+40,6)*(0,14+0,08)*2 = 29,788$								
		* Thanh nẹp C30x30x10x10x1,6 : $(88,6+7,2)*(0,03+0,03*2+0,01+0,01) = 10,538$								
		Bản mã cánh kèo: $0,84*2 = 1,68$								
		Bản mã liên kết gót kết kèo- thanh kèo - $152x61x164x6 : 1,93*2 = 3,86$								

	Bản mã tăng cường gót kết kèo - $120 \times 60 \times 134 \times 6 : 1,5 \times 2 = 3$								
	Bản mã đầu : $0,55 \times 2 = 1,1$								
	Bản mã tăng cường đầu kết kèo - $101 \times 40 \times 109 \times 60 : 0,28 \times 2 = 0,56$								
	Xà gỗ:								
	Thép C80x40x1,5 : $(210+7,5) \times 0,32 = 69,6$								
	Thanh xà gỗ hai đầu hồi : $19,38 \times 0,2 = 3,876$								
	Tại liên kết xà gỗ : $0,12 \times 140 \times 0,1 \times 2 = 3,36$								
	* Thanh giằng C70x40x10x1,6 $(63+15,24+57,3+65,7+3,4) \times (0,07+0,04 \times 2 + 0,01 \times 2) \times 2 = 69,5776$								
	* Thanh nẹp C30x30x10x10x1,6 theo cột C1:								
	$224,64 \times (0,03+0,03+0,03+0,01+0,01) \times 2 = 49,4208$								
	* Thanh nẹp thép tấm 150x1,6 theo cột C2:								
	$66 \times 0,15 \times 2 = 19,8$								
	Thanh giằng kèo								
	Thép tròn d10 : $103,8 \times 3,14 \times 0,01 = 3,2593$								
	Khuyên móc : $7,2 \times 3,14 \times 0,01 = 0,2261$								
	Nẹp cửa:								
	Đ1 :								
	C30x30x10x10x1,6: $12,67 \times 0,11 \times 2 = 2,7874$								
	C50x30x10x10x1,6: $12,67 \times 0,13 \times 2 = 3,2942$								
	BM: $0,11 \times 2 = 0,22$								
	S1 :								

		C30x30x10x10x1,6: $(12,67+7,56)*0,11*2 = 4,4506$								
		C50x30x10x10x1,6: $(12,6+7,56)*0,13*2 = 5,2416$								
		S2 :								
		C30x30x10x10x1,6: $(12,67+7,56)*0,11*2 = 4,4506$								
		C50x30x10x10x1,6: $(12,67+7,56)*0,13*2 = 5,2598$								
38	AE.22123	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày ≤ 11 cm, chiều cao ≤ 28 m, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2. M75	m3	1,2879	954.097,	542.340,	56.232,	1.228.781,5	698.479,7	72.421,2
		Trục 1,2,3,4,5,6,7 : $7*(6,0-0,1-0,05)*0,11*0,15 = 0,6757$								
		Trục D : $(21,6-6*0,1)*0,11*0,15 = 0,3465$								
		Trục B : $(21,6-0,1)*0,11*0,15 = 0,3548$								
		Trừ cửa đi Đ1:								
		Đ1 : $-6*0,9*0,11*0,15 = -0,0891$								
	T*	Tổng: PHẦN THÂN						93.442.603	35.545.845	15.307.183
	*	PHẦN HOÀN THIỆN								
39	AK.21223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB30 M75	m2	28,362	15.860,	52.400,	599,	449.821,3	1.486.168,8	16.988,8
		Trục 1,2,3,4,5,6,7 : $12*(6,0-0,1-0,05)*(0,15+0,11) = 18,252$								
		Trục B,D : $2*(21,6-6*0,1)*(0,15+0,11) = 10,92$								
		Trừ cửa đi Đ1:								
		Đ1 : $-6*0,9*0,15 = -0,81$								
40	AK.21123	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB30 M75	m2	7,245	15.860,	68.120,	599,	114.905,7	493.529,4	4.339,8
		Trục 1,7: $2*(6,0-0,1-0,05)*0,15 = 1,755$								
		Trục B,D : $2*(21,6-6*0,1)*0,15 = 6,3$								
		Trừ cửa đi Đ1:								

		Đ1 : $-6*0,9*0,15 = -0,81$								
41	AK.84222	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	28,362	32.571,	17.292,		923.778,7	490.435,7	0,
		28,362								
42	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	7,245	42.517,	19.126,		308.035,7	138.567,9	0,
		7,245								
43	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn chống nóng 3 lớp	100m2	2,1706	14.875.866,	1.179.000,		32.289.554,7	2.559.137,4	0,
		$22,4*(5,81+3,88)/100 = 2,1706$								
44	AK.77410	Thi công vách tôn chống cháy 3 lớp ROCKWOOL	m2	269,3368	50.630,	68.258,		13.636.522,2	18.384.391,3	0,
		Trục B : $(21,6-6*0,1)*3,576 = 75,096$								
		Trục D : $(21,6-6*0,1)*3,576 = 75,096$								
		Trục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 : $7*(3,2+2,8-0,1)*3,576 = 147,6888$								
		$2*(2,8+3,2-0,1)*(0,175+1,2)/2 = 8,1125$								
		Trừ cửa :								
		Đ1 : $-6*0,9*2,66 = -14,364$								
		S1 : $-6*1,2*1,89 = -13,608$								
		S2 : $-6*0,9*1,89 = -10,206$								
		Bật hai đầu hồi								
		$2*(1,8-0,1)*(0,77+0,125)/2 = 1,5215$								
45	2202/2025	Trần nhựa (đã bao gồm công lắp dựng)	m2	163,	200.000,			32.600.000,	0,	0,
		$S=163m2: 163 = 163$								
46	2202/2025	Khuôn cửa kép thép dập định hình sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng)	md	179,58	200.000,			35.916.000,	0,	0,
		Đ1 : $6*(0,9*3+3,766*2) = 61,392$								
		S1 : $6*(1,2*4+3,766) = 51,396$								
		S2 : $6*(0,9*4+3,766*2) = 66,792$								
47	2202/2025	Cửa đi, cửa sổ thép pano kính (đã bao gồm công lắp dựng)	m2	36,72	655.000,			24.051.600,	0,	0,

		$D1 : 6*0,9*(2,66-2*0,03) = 14,04$								
		$S1 : 6*1,2*(1,89-3*0,03) = 12,96$								
		$S2 : 6*0,9*(1,89-3*0,03) = 9,72$								
48	2202/2025	Hoa sắt cửa cả sơn theo yêu cầu kỹ thuật (đã bao gồm công lắp dựng)	kg	406,944	32.000,			13.022.208,	0,	0,
		Thép vuông 12x12:								
		$D1: 41,4*0,012*0,012*7850 = 46,7986$								
		$S1: 172,8*0,012*0,012*7850 = 195,3331$								
		$S2: 145,8*0,012*0,012*7850 = 164,8123$								
49	2202/2025	Khóa cửa đi 1 cánh	bộ	6,	73.000,			438.000,	0,	0,
50	AK.41113	Láng tam cấp vữa XM PCB30 M75	m2	33,596	21.548,	19.340,	1.199,	723.926,6	649.746,6	40.281,6
		Tam cấp:								
		$28,4*(0,3+0,15) = 12,78$								
		$26,02*(0,3+2*0,15+0,2) = 20,816$								
51	AK.51250	Lát tam cấp gạch đỏ, kích thước gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM PCB30 M75	m2	33,596	135.952,	42.661,	977,	4.567.443,4	1.433.239,	32.823,3
		$28,4*(0,3+0,15) = 12,78$								
		$26,02*(0,3+2*0,15+0,2) = 20,816$								
52	AL.61110	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao ≤ 16 m	100m2	2,1168	436.370,	1.441.000,	48.104,	923.708,	3.050.308,8	101.826,5
		$(21,6+7,8)*2*3,6/100 = 2,1168$								
	T*	Tổng: PHẦN HOÀN THIỆN						159.965.504	28.685.525	196.260
	*	HỆ THỐNG CHỐNG SÉT								
53	BA.19401	Gia công kim thu sét, chiều dài kim 0,5m	cái	3,	25.397,	47.160,	381,	76.191,	141.480,	1.143,
54	BA.19302	Kéo rải dây chống sét theo tường, cột và mái nhà, loại dây thép D10mm	m	37,5	12.772,	17.816,	2.601,	478.950,	668.100,	97.537,5
55	BA.19302	Kéo rải dây tiếp địa D16	m	60,	660,	17.816,	2.601,	39.600,	1.068.960,	156.060,
		Chỉ tính VL que hàn								
56	TT	Dây tiếp địa D10 mạ kẽm	m	60,	37.000,			2.220.000,	0,	0,
57	BA.19101	Gia công và đóng cọc chống sét	cọc	12,	210.000,	131.000,		2.520.000,	1.572.000,	0,
58	TT	Quả hồ lô màu đỏ	Quả	3,	150.000,			450.000,	0,	0,

59	TT	Thép dẹt 80x80	kg	10,048	17.300,	2.000,		173.830,4	20.096,	0,
		$50*0,08*0,08*0,004*7850 = 10,048$								
60	TT	Chì lá dẹt	Cái	50,	15.000,			750.000,	0,	0,
61	TT	Bu lông Đ10	Cái	50,	10.000,			500.000,	0,	0,
62	AB.11513	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <=1m, đất cấp III	m3	18,		271.598,		0,	4.888.764,	0,
		$60*(0,4+0,6)*0,6/2 = 18$								
63	AB.65120	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,18		1.245.329,	1.443.882,	0,	224.159,2	259.898,8
		$18/100 = 0,18$								
	T*	Tổng: HỆ THỐNG CHỐNG SÉT						7.208.571	8.583.559	514.639
	*	HỆ THỐNG ĐIỆN TRONG NHÀ								
64	BA.16203	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột <= 10mm2	m	20,	83.508,	8.646,		1.670.160,	172.920,	0,
65	BA.16203	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x6mm2	m	70,	83.508,	8.646,		5.845.560,	605.220,	0,
66	BA.16202	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm2	m	130,	34.614,	7.336,		4.499.820,	953.680,	0,
67	BA.16202	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2,5mm2	m	35,	34.614,	7.336,		1.211.490,	256.760,	0,
68	BA.14302	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính 20mm	m	150,	11.197,	8.908,	151,	1.679.550,	1.336.200,	22.650,
69	2202/2025	Đế nổi bảng điện	cái	30,	10.000,			300.000,	0,	0,
70	BA.18202	Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện 25Ampe	cái	1,	80.340,	39.300,		80.340,	39.300,	0,
71	BA.18201	Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện 10Ampe	cái	6,	81.900,	28.820,		491.400,	172.920,	0,
72	TT	Mặt aptomat phòng	cái	7,	36.000,			252.000,	0,	0,
73	BA.17201	Lắp đặt ổ cắm đơn	cái	6,	44.522,	20.960,		267.132,	125.760,	0,
74	BA.17202	Lắp đặt ổ cắm đôi	cái	6,	51.758,	25.152,		310.548,	150.912,	0,
75	TT	Mặt 1 lỗ	Cái	6,	36.000,			216.000,	0,	0,
76	TT	Mặt 2 lỗ	Cái	1,	36.000,			36.000,	0,	0,
77	TT	Mặt 3 lỗ	Cái	6,	36.000,			216.000,	0,	0,
78	BA.13310	Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại đèn led 1 bóng 40w chống cháy nổ	bộ	21,	121.800,	39.300,		2.557.800,	825.300,	0,
79	BA.11110	Lắp đặt quạt trần	cái	6,	686.800,	52.400,	2.261,	4.120.800,	314.400,	13.566,
80	TT	Chiết áp quạt	cái	6,	221.000,			1.326.000,	0,	0,

81	2202/2025	Tủ điện tổng	Cái	1,	1.124.000,			1.124.000,	0,	0,
82	TT	Hộp đựng bình chữa cháy 500x600x170	cái	1,	550.000,			550.000,	0,	0,
83	TT	Bình chữa cháy MFZ4	bình	3,	350.000,			1.050.000,	0,	0,
84	TT	Bộ tiêu lệnh + nội quy chữa cháy	bộ	1,	150.000,			150.000,	0,	0,
85	BA.17101	Lắp đặt công tắc - 1 hạt trên 1 công tắc	cái	20,	32.160,	20.960,		643.200,	419.200,	0,
	T*	Tổng: HỆ THỐNG ĐIỆN TRONG NHÀ						28.597.800	5.372.572	36.216
	THM	Tổng cộng: MẪU THIẾT KẾ NHÀ LƯU TRÚ (NHÀ KHUNG THÉP, LẮP GHÉP)						368.345.146	117.725.099	19.443.176

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

DỰ ÁN : LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU NHÀ LẮP GHÉP (KÝ HIỆU MẪU: LT-02)

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc (đ)	Giá T.B (đ)	Cước V.C Bù NL, lương (đ)	Giá H.T (đ)	Chênh lệch (đ)	Tổng chênh (đ)
I		VẬT LIỆU								
1	TT	Bản mã dể móng	Kg	42,861	30.000,	30.000,	0,	30.000,	0,	0,
2	TT	Bu lông M 16X35	Cái	112,	15.000,	15.000,	0,	15.000,	0,	0,
3	TT	Bu lông M 12x30	Cái	88,	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
4	TT	Bu lông M 16X50	Cái	112,	15.000,	15.000,	0,	15.000,	0,	0,
5	TT	Bu lông M 12x30	Cái	190,	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
6	TT	Tăng đơ d18	Cái	24,	150.000,	150.000,	0,	150.000,	0,	0,
7	TT	Bu lông M 12X30	Cái	140,	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
8	TT	Bu lông M 12X30	Cái	87,	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
9	TT	Vít nở D14	Cái	12,	1.000,	1.000,	0,	1.000,	0,	0,
10	2202/2025	Trần nhựa (đã bao gồm công lắp dựng)	m2	163,	200.000,	200.000,	0,	200.000,	0,	0,
11	2202/2025	Khuôn cửa kép thép đập định hình sơn tĩnh điện (đã bao gồm công lắp dựng)	md	179,58	200.000,	200.000,	0,	200.000,	0,	0,
12	2202/2025	Cửa đi, cửa sổ thép pano kính (đã bao gồm công lắp dựng)	m2	36,72	655.000,	655.000,	0,	655.000,	0,	0,
13	2202/2025	Hoa sắt cửa cá sơn theo yêu cầu kỹ thuật (đã bao gồm công lắp dựng)	kg	406,944	32.000,	32.000,	0,	32.000,	0,	0,
14	2202/2025	Khóa cửa đi 1 cánh	bộ	6,	73.000,	73.000,	0,	73.000,	0,	0,
15	TT	Dây tiếp địa D10 mạ kẽm	m	60,	37.000,	37.000,	0,	37.000,	0,	0,
16	TT	Quả hồ lô màu đỏ	Quả	3,	150.000,	150.000,	0,	150.000,	0,	0,
17	TT	Thép dẹt 80x80	kg	10,048	17.300,	17.300,	0,	17.300,	0,	0,
18	TT	Chi lá đệm	Cái	50,	15.000,	15.000,	0,	15.000,	0,	0,
19	TT	Bu lông Đ10	Cái	50,	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
20	2202/2025	Đế nổi bằng điện	cái	30,	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
21	TT	Mặt aptomat phòng	cái	7,	36.000,	36.000,	0,	36.000,	0,	0,

22	TT	Mặt 1 lỗ	Cái	6,	36.000,	36.000,	0,	36.000,	0,	0,
23	TT	Mặt 2 lỗ	Cái	1,	36.000,	36.000,	0,	36.000,	0,	0,
24	TT	Mặt 3 lỗ	Cái	6,	36.000,	36.000,	0,	36.000,	0,	0,
25	TT	Chiết áp quạt	cái	6,	221.000,	221.000,	0,	221.000,	0,	0,
26	2202/2025	Tủ điện tổng	Cái	1,	1.124.000,	1.124.000,	0,	1.124.000,	0,	0,
27	TT	Hộp đựng bình chữa cháy 500x600x170	cái	1,	550.000,	550.000,	0,	550.000,	0,	0,
28	TT	Bình chữa cháy MFZ4	bình	3,	350.000,	350.000,	0,	350.000,	0,	0,
29	TT	Bộ tiêu lệnh + nội quy chữa cháy	bộ	1,	150.000,	150.000,	0,	150.000,	0,	0,
30	A33.1321	Aptomat 1 pha 10Ampe (gồm mặt, đế âm...)	cái	6,	78.000,	82.000,	0,	82.000,	4.000,	24.000,
31	A33.1322	Aptomat 1 pha 25Ampe (gồm mặt, đế âm...)	cái	1,	78.000,	122.000,	0,	122.000,	44.000,	44.000,
32	A33.0019	Bóng đèn led 1,2m chống cháy nổ (1 bóng 18w)	bộ	21,	120.000,	180.000,	0,	180.000,	60.000,	1.260.000,
33	A24.0900	Bu lông	cái	233,7422	1.078,	1.078,	0,	1.078,	0,	0,
34	A24.0175	Cát mịn ML=0,7-1,4	m3	0,8957	360.000,	400.000,	0,	400.000,	40.000,	35.827,8
35	A24.0176	Cát mịn ML=1,5-2,0	m3	11,1448	360.000,	400.000,	0,	400.000,	40.000,	445.793,1
36	A24.0180	Cát vàng	m3	20,0123	380.000,	420.000,	0,	420.000,	40.000,	800.491,6
37	A33.0111	Cọc chống sét	cái	12,	200.000,	200.000,	0,	200.000,	0,	0,
38	A33.1303	Công tắc 1 chiều	cái	20,	32.000,	38.300,	0,	38.300,	6.300,	126.000,
39	A33.0076	Dây dẫn điện 2 ruột <= 2x10mm2	m	20,2	80.273,	80.273,	0,	80.273,	0,	0,
40	A33.0075	Dây dẫn điện 2 ruột CU/PVC 2x1,5mm2	m	131,3	33.273,	14.600,	0,	14.600,	-18.673,	-2.451.764,9
41	A33.0075	Dây dẫn điện 2 ruột CU/PVC 2x2,5mm2	m	35,35	33.273,	24.000,	0,	24.000,	-9.273,	-327.800,6
42	A33.0076	Dây dẫn điện 2 ruột CU/PVC 2x6mm2	m	70,7	80.273,	53.400,	0,	53.400,	-26.873,	-1.899.921,1
43	A24.0293	Dây thép	kg	2,2001	20.000,	20.000,	0,	20.000,	0,	0,
44	A24.0008	Đá 1x2	m3	5,5744	240.000,	220.000,	64.229,	284.229,	44.229,	246.548,1
45	A24.0010	Đá 4x6	m3	24,3516	230.000,	220.000,	64.229,	284.229,	54.229,	1.320.564,4
46	A24.0054	Đinh	kg	6,384	18.500,	18.500,	0,	18.500,	0,	0,
47	A24.0068	Đinh tán f22	cái	35,898	500,	500,	0,	500,	0,	0,
48	A24.0070	Đinh, đinh vít	cái	976,77	500,	500,	0,	500,	0,	0,
49	A24.1020	Gạch đồ lát kích thước <= 0,16m2	m2	33,932	110.000,	90.000,	0,	90.000,	-20.000,	-678.639,2
50	A24.0383A	Gạch không nung	viên	9.196,5347	1.100,	1.200,	0,	1.200,	100,	919.653,5
51	A24.1023	Gạch lát kích thước <= 0,36m2	m2	161,5123	155.000,	151.000,	0,	151.000,	-4.000,	-646.049,3
52	A24.0407	Gỗ chèn	m3	0,0857	3.000.000,	3.200.000,	0,	3.200.000,	200.000,	17.138,4
53	A24.0406	Gỗ chống	m3	0,1426	3.000.000,	3.200.000,	0,	3.200.000,	200.000,	28.515,2

54	A24.0404	Gỗ đà nẹp	m3	0,0894	3.000.000,	3.200.000,	0,	3.200.000,	200.000,	17.875,2
55	A24.0418	Gỗ ván	m3	0,412	4.700.000,	4.700.000,	0,	4.700.000,	0,	0,
56	A24.0435	Giáo thép	kg	20,1096	16.800,	16.800,	0,	16.800,	0,	0,
57	A33.0007	Hộp số (nếu có)	cái	6,	30.000,	30.000,	0,	30.000,	0,	0,
58	A24.0931	Khí gas	kg	14,8533	26.208,	26.208,	0,	26.208,	0,	0,
59	A24.0524	Nước	lít	9.101,8273	8,	8,	0,	8,	0,	0,
60	A33.0094	Ổ cắm đôi (gồm mặt + đế nổi)	cái	6,	51.500,	91.000,	0,	91.000,	39.500,	237.000,
61	A33.0093	Ổ cắm đơn (gồm mặt + đế nổi)	cái	6,	44.300,	69.000,	0,	69.000,	24.700,	148.200,
62	A24.0001	Ô xy	chai	7,4276	150.000,	150.000,	0,	150.000,	0,	0,
63	A33.0043	Ống nhựa D20mm	m	153,	10.455,	10.274,	0,	10.274,	-181,	-27.693,
64	A33.0003	Quạt trần	cái	6,	650.000,	872.727,	0,	872.727,	222.727,	1.336.362,
65	A33.0115	Que hàn	kg	1,95	25.000,	25.000,	0,	25.000,	0,	0,
66	A24.0543	Que hàn	kg	72,2596	25.000,	25.000,	0,	25.000,	0,	0,
67	A24.0588	Sơn lót	kg	38,0905	88.760,	88.760,	0,	88.760,	0,	0,
68	A24.1064	Sơn lót nội thất	lít	4,3961	88.760,	71.000,	0,	71.000,	-17.760,	-78.074,9
69	A24.1066	Sơn lót ngoại thất	lít	1,0868	122.641,	98.000,	0,	98.000,	-24.641,	-26.778,6
70	A24.1063	Sơn phủ	kg	70,7877	58.587,	58.587,	0,	58.587,	0,	0,
71	A24.1065	Sơn phủ nội thất	lít	7,0054	74.861,	76.000,	0,	76.000,	1.139,	7.979,2
72	A24.1067	Sơn phủ ngoại thất	lít	1,7171	100.000,	86.000,	0,	86.000,	-14.000,	-24.038,9
73	A24.0686	Tôn chống cháy 3 lớp ROCKWOOL	m2	282,8036	47.742,	370.000,	0,	370.000,	322.258,	91.135.735,4
74	A24.0650	Tôn xốp 3 lớp	m2	257,2161	123.636,	158.000,	0,	158.000,	34.364,	8.838.974,1
75	A33.0116	Thép	kg	4,68	14.800,	14.400,	0,	14.400,	-400,	-1.872,
76	A24.0712	Thép hình	kg	3.428,9019	16.800,	16.800,	0,	16.800,	0,	0,
77	A24.0726	Thép tấm	kg	667,6616	17.300,	17.300,	0,	17.300,	0,	0,
78	A24.0735	Thép tròn	kg	67,8531	14.800,	14.430,	0,	14.430,	-370,	-25.105,7
79	A24.0739	Thép tròn D<=18mm	kg	3,1752	14.800,	14.430,	0,	14.430,	-370,	-1.174,8
80	A24.0740	Thép tròn D>10mm	kg	141,27	14.800,	14.430,	0,	14.430,	-370,	-52.269,9
81	A33.0114	Thép tròn D10mm	kg	23,25	14.800,	14.730,	0,	14.730,	-70,	-1.627,5
82	A24.0797A	Xi măng PCB30	kg	14.852,0699	1.360,	1.410,	0,	1.410,	50,	742.603,5
83	A24.0798	Xi măng trắng	kg	20,0228	10.000,	10.000,	0,	10.000,	0,	0,
84	Z999	Vật liệu khác	%							827.654,
		TỔNG VẬT LIỆU								102.318.105

II		NHÂN CÔNG							
1	TT	Thép dẹt 80x80	kg	10,048	2.000,	2.000,		2.000,	0,
2	N1.30	Nhân công 3,0/7 - Nhóm 1	công	69,5572	201.184,	213.987,		213.987,	12.803,
3	N2.30	Nhân công 3,0/7 - Nhóm 2	công	50,6754	239.592,	250.566,		250.566,	10.974,
4	N2.35	Nhân công 3,5/7 - Nhóm 2	công	139,3954	262.000,	274.000,		274.000,	12.000,
5	N2.40	Nhân công 4,0/7 - Nhóm 2	công	193,5537	284.408,	297.434,		297.434,	13.026,
		TỔNG NHÂN CÔNG							5.640.627
III		MÁY THI CÔNG							
1	M102.0202	Cần cẩu bánh hơi 16T	ca	0,7527	2.063.263,	2.114.707,		2.114.707,	51.444,
2	M102.0302	Cần cẩu bánh xích 10T	ca	2,2743	2.058.819,	2.110.919,		2.110.919,	52.100,
3	M102.0406	Cần trục tháp - sức nâng : 25,0 T	ca	0,0472	3.054.207,	3.086.307,		3.086.307,	32.100,
4	M112.2102	Máy cắt gạch đá - công suất : 1,7 kW	ca	7,5724	27.917,	28.203,		28.203,	286,
5	M112.2601	Máy cắt uốn cốt thép - công suất : 5,0 kW	ca	1,0654	286.157,	294.789,		294.789,	8.632,
6	M112.1301	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất : 1,5 kW	ca	0,3788	281.586,	290.028,		290.028,	8.442,
7	M112.1101	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất : 1,0 kW	ca	2,4484	277.613,	285.863,		285.863,	8.250,
8	M101.0803	Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng : 70 kg	ca	3,4467	375.522,	387.337,		387.337,	11.815,
9	M112.4002	Máy hàn xoay chiều - công suất : 14 kW - 15 kW	ca	0,4875	369.497,	381.495,		381.495,	11.998,
10	M112.4003	Máy hàn xoay chiều - công suất : 23,0 kW	ca	18,5789	418.718,	432.532,		432.532,	13.814,
11	M112.1701	Máy khoan bê tông cầm tay - công suất : 0,62 kW	ca	7,275	15.072,	15.158,		15.158,	86,
12	M112.1502	Máy khoan đứng - công suất : 4,5 kW	ca	6,905	68.227,	69.087,		69.087,	860,
13	M112.3701	Máy mài - công suất : 1,0 kW	ca	0,15	7.625,	7.816,		7.816,	191,
14	M108.0303	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất : 360,00 m3/h	ca	0,4169	1.170.556,	1.210.917,		1.210.917,	40.361,
15	M104.0102	Máy trộn bê tông - dung tích : 250,0 lít	ca	3,2366	325.743,	334.567,		334.567,	8.824,
16	M104.0202	Máy trộn vữa 150 lít	ca	0,9114	299.707,	308.244,		308.244,	8.537,
17	M102.1001	Máy vận thăng lồng - sức nâng : 3,0 T	ca	0,0155	832.584,	844.848,		844.848,	12.264,
18	M999	Máy khác	%						2.669,3
		TỔNG MÁY THI CÔNG							559.324

BẢNG CƯỚC VẬN CHUYỂN

DỰ ÁN : LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

STT	Mã số	Tên vật liệu / Diễn giải vận chuyển	Đơn vị	Quy đổi đơn vị	Nguồn mua	Phương tiện vận chuyển / Loại hình	Cự ly tổng (km)	Cung đường							Định mức ca máy <=1 km	Định mức ca máy <=10 km	Định mức ca máy <=60 km	Định mức ca máy >60 km	Đơn giá ca máy (đ/ca)	Giá cước (đ)	Thành tiền Chi phí (đ)	Hệ số điều chỉnh cước VC	Giá V/C trước thuế (đ)
								Cự ly (km)	Loại đường	Hệ số loại đường	Cự ly <=1 km	Cự ly <=10 km	Cự ly <=60 km										
15	A24.0008	Đá 1x2	m3	1,		ô tô tự đổ 10t	10,	9,5	4	1,35	1,	8,5	0,	0,	0,0034	0,0025			1.827.139,	60.802,6	64.229,	1,	64.229,
		ô tô tự đổ 10t					0,5	5	1,5	0,	0,5	0,	0,		0,0025			1.827.139,	3.425,9	3.425,9	1,		
16	A24.0010	Đá 4x6	m3	1,		ô tô tự đổ 10t	10,	9,5	4	1,35	1,	8,5	0,	0,	0,0034	0,0025			1.827.139,	60.802,6	64.229,	1,	64.229,
		ô tô tự đổ 10t					0,5	5	1,5	0,	0,5	0,	0,		0,0025			1.827.139,	3.425,9	3.425,9	1,		